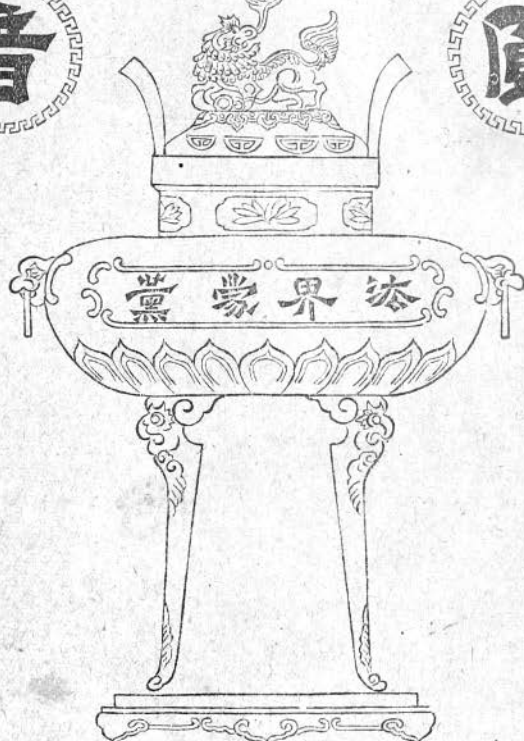


NĂM THỨ 2
SỐ 23

Tháng Septembre
và Octobre 1926

VIEN AM



不惑之世

法界學會月刊

Nguyệt-San Phật-Học

Nam mô bốn-sư

Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Tác Đại-Chứng Minh

PHẬT-HỌC-HỘI CHỨNG MINH-ĐẠI ĐẠO-SƯ

Tùy-Ba tự Trù Tri : Giác-Nhiên Duyệt-y

Phật-Học-Hội Chánh-Hội-Trưởng duyệt-y

Ký tên thế : Lê-đình-Thám

MỤC LỤC

I. — QUYỂN ĐẦU NGŨ

- Bồng trong gương (VIÊN-ÂM) 3

II. — DIỄN-ĐÀN

- Diễn-văn báng Pháp-văn của ông Lê-Quang-Ngoan đọc
hôm 25-12-36 trong dịp lễ Khánh-Thành chùa Hội-
quán Đà-nẵng. 5
- Bài diễn-văn trên do ông Nguyễn-Bá-Duy dịch ra quốc-văn. 8
- Phật-Học của phái phụ-nữ (của bà Diệu-Viên giảng trong
dịp lễ Khánh-Thành của chùa Chi-Hội Đà-nẵng. 11

III. — KINH HỌC

- Đại ý kinh Thủ-Lang-nghiêm (tiếp theo) 20
- Kinh Thủ-Lang-Nghiêm (tiếp theo) 23

IV. — LUẬN-ĐÀN

- Chơn-tang-già-Luận (CHÂU-HAI) 33

V. — TIẾT-TỨC

- Lễ Khánh-Thành chùa Chi-Hội Đà-nẵng 46
- Lược-sử của ngài Giác-Tiên Hòa-Thượng, 50
- Biên-Bản Đại-Hội Đồng của Annam Phật-Học-Hội ngày
24 Janvier 1937, khi 3 giờ chiều. 55



PHẬT-HỌC-HỘI NGUYỆT-SAN

VIÊN-ÂM

Hội Phật Học ở Huế được nghị-định quan Toàn-Quyền ngày 30 Juin 1933 cho phép xuất - bản VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN.

Nội-dung VIÊN-ÂM chỉ giảng giải đủ các lý-thuyết đạo Phật ra chữ quốc-ngữ và có khi phụ thêm một bài Pháp-văn.

Giá Nguyệt San.	{	một năm.	2\$00
		nửa năm.	1. 10
		mỗi quyển.	0. 20

Hội Phật Học tặng không nguyệt san này cho các ngài Hội-viên của Hội. Như hai ông bà đều có chun Hội-viên thì chỉ tặng một quyển.

TÒA SOẠN: 5 Rue Champeau — Hué
Thơ từ mandat mua nguyệt san xin gởi cho

M. LÊ-ĐÌNH HẨM

Médecin Indochinois du Cadre Latéral — HUÉ
Boite postale n° 73

PHỔ-CAO

Các ngài vì đạo-tâm muốn tán thành Bản San xin ghi tên vào tờ mua nguyệt san (Bulletin d'abonnement), rồi gởi lại một lần với mandat đề Bản San gởi tiếp số sau cho khỏi trễ và xin các ngài sẵn lòng giới-thiệu giùm.

Xin giữ talon mandat mua nguyệt san để thế biên lại. Những bài lai-cảo đáng được, Bản San giữ quyền nhuận sắc; bài đáng không được thì không trả bản thảo lại.

Bản San giữ bản quyền. Trích lục phải đề tên Viên Âm.

Đăng quảng-cáo tính giá phải chăng, xin gởi thơ thương lượng trước.

Quyền đầu ngữ

Bóng trong gương

Bại phạm đã có gương thời tất nhiên phải có bóng. Gương xây về bên cái bàn thì có bóng cái bàn, gương xây về bên cái ghế thì có bóng cái ghế, hề cái gương đối với vật gì thì cái bóng của vật ấy hiện ra trong gương, cái bóng trong gương tùy theo trường-hợp mà hiện ra vẫn không nhất định là thế nào.

Từ nhỏ đến lớn, cái quan-niệm của một người đối với bóng trong gương sai khác nhau lắm. Như khi còn nhỏ thì cái quan-niệm đối với bóng trong gương không khác gì cái quan-niệm đối với các cảnh-vật; nghĩa là khi thấy cái bóng khéo, đẹp cũng vui cười dơ tay chụp bắt, khi thấy cái bóng kỳ quái xấu xa cũng khóc la sợ sệt, tránh đi nơi khác. Đến khi được một vài tuổi, thấy nhiều lần chụp bắt những bóng trong gương mà không hiệu-quả, nhiều lần lật cái gương lại mà xem phía sau cũng chẳng có gì, nên cái quan-niệm đối với bóng trong gương đã thay đổi, vì đã nhận rằng cái bóng ấy không phải thật có. Lần lần đến 4, 5 tuổi, vì đã thường chơi với bóng trong gương nên mới nhận được cái bóng ấy chỉ là cái phản-chiếu của sự vật ở ngoài, xoay mặt gương đối với cái bàn thì thấy cái bàn, xoay mặt gương đối với thân mình thì thấy bóng của mình, cho đến khi mình đưa tay lên thì cái bóng cũng đưa tay, mình nhắm mắt lại thì cái bóng cũng nhắm mắt và mới bắt đầu nhận rõ các trường-hợp làm cho cái bóng trong gương đổi ra cách này cách khác. Về sau, đến 9, 10 tuổi, thấy người lớn soi gương sửa soạn cũng bắt chước soi gương sửa soạn, cái quan-niệm đối với bóng trong gương đã xác thiết hơn trước nhiều, vì đã xoay về mặt thực-dụng. Lúc ấy, tuy vẫn biết bóng trong gương là không thật, bóng trong gương là cái phản-chiếu của vật ngoài, song cái bóng ấy không phải là

vô-dụng, vì trong khi soi gương sửa soạn, miễn cái bóng mình trong gương được cân phân tề chỉnh, thì chính mình cũng chắc được cân phân tề chỉnh. Đến khi khôn lớn học hành, biết đủ các cách dùng gương thì tùy theo ý muốn, khi dùng gương mà chường dọn, khi dùng gương mà làm huyền-thuật, khi dùng gương mà làm các máy phản chiếu, dùng cách nào cũng đều đúng với tánh-cách của cái gương và của bóng trong gương, nên dùng cách nào cũng đều được hiệu-quả mỹ-mãn.

Nói tóm lại, bóng trong gương vẫn là bóng trong gương, vẫn là một cái phản-chiếu giả dối không thiệt, mà lúc nhỏ không biết thiệt-lánh của bóng trong gương, nên chỉ tùy theo cái bóng đương hiện mà sinh ra có ưa có ghét, có mừng có sợ; còn đến khi khôn lớn, nhận rõ thiệt-lánh của bóng trong gương, thì có thể dùng được cái bóng ấy một cách hoàn-toàn mỹ-mãn.

Thiệt-lánh của bóng trong gương là thế nào? Bóng trong gương là một chẳng? là sai khác chẳng? là có chẳng, là không chẳng? là thường chẳng, là vô-thường chẳng?

Chúng ta nên suy xét chín châu để nhận rõ cái thiệt-lánh ấy, rồi chúng ta sẽ rõ rằng cái thiệt-lánh ấy chẳng những là cái thiệt-lánh của bóng trong gương mà thôi.

VIÊN - ÂM

KÍNH CÁO ĐỘC GIẢ

Viên Âm còn một số nữa là hết năm thứ 2, vậy xin các bạn đọc ngài nào chưa trả tiền nguyệt san hoặc trả rồi mà chưa đủ mau mau gởi mandat về để chúng tôi tiện việc sổ sách.

Viên Âm



DISCOURS

**prononcé par Monsieur Lê-quang-Ngoan le
25 Décembre 1936 à l'Occasion de la Fête
d'inauguration de la pagode servant de
siège social à la Section filiale S. E. E. R. B. A.
de Tourane.**

Monsieur le Résident-Maire,
Excellences,
Mesdames,
Messieurs,

Il m'échoit le très grand honneur de prendre aujourd'hui la parole devant vous dont la pensée est sans doute allée avec sympathie vers les sages doctrines de Bouddha. Grand, mais périlleux honneur en effet que celui de parler devant vous, élite de la société touranaise rassemblés ici, dans cette enceinte baignée de sainteté et de spiritualité, pour cette cérémonie d'inauguration de la pagode édiflée pour la plus grande gloire de Bouddha. Ayant le privilège de prendre la parole, je me garderais de faillir aux traditions et usages en pareilles circonstances, je tiens à vous remercier, en premier lieu, Monsieur le Résident-Maire, d'être venu présider l'inauguration de notre Pagode, oubliant, pour un moment, les mille soucis, les mille préoccupations que vous réservent vos hautes fonctions de chef d'une cité. Votre présence parmi nous, en ce jour, marqué dans les annales de notre Association comme une preuve éclatante de votre générosité à notre égard. Nous en sommes profondément touchés et nous vous assurons de toute notre gratitude émue.

Je n'oublierais pas d'adresser nos remerciements à vous tous, Excellences, Mesdames, Messieurs, qui êtes venus nombreux rehausser de votre présence l'éclat de cette fête. Je n'oublierais pas non plus les modestes artisans de cette œuvre : M. Dang cao Dê, architecte, qui a conçu les plans et surveillé la construction de notre Pagode ; M. Lê viêt Triêt, statuaire, qui a modelé avec une maîtrise consommée la statue de Bouddha érigée devant nous ; tous deux s'étant offerts à travailler bénévolement avec un désintéressement absolu et digne de tous les éloges. Qu'ils veuillent bien accepter ici l'expression de notre profonde reconnaissance. Nos remerciements vont enfin à toutes les personnes connues ou anonymes, qui, de près ou de loin, nous ont encouragés à persévérer dans notre tâche et ont apporté leur discrète contribution à l'achèvement de cette œuvre et par conséquent, à la réalisation partielle de notre but.

Mesdames, Messieurs,

Ce but que nous poursuivons et qui a notamment abouti à la cérémonie d'aujourd'hui, quel est-il ? Il est très simple et peut se résumer en deux points principaux : l'Etude de la Religion Bouddhique et l'Exercice rationnel de cette Religion.

A tout esprit curieux du passé et inquiet de l'avenir, à toute personne qui s'intéresse au spectacle de l'Univers, le développement de cette Religion raisonnée doit offrir un merveilleux sujet de méditation.

L'enseignement de Çakya-Mouni, dont la statue est devant nous, a principalement pour but le salut moral de l'individu. Il nous montre les illusions créées par nos désirs les plus intimes et nous trace le chemin à suivre en vue de l'amélioration de notre nature d'homme et de la délivrance de notre individualité que ligotent nos passions, afin de nous rendre accessibles aux sentiments de grand amour et d'universelle compassion. Aussi, tout vrai bouddhiste est-il astreint à une double tâche : être utile à la fois à soi-même et aux autres.

Sachant que nous ne devons compter que sur nous-mêmes, que nous devons être notre propre maître, que nous sommes responsables de nos actions et de nos pensées, de nos douleurs comme de notre félicité, que le moindre de nos actes se répercute à l'infini, dans le présent aussi bien que dans l'avenir, nous n'érigerons pas Bouddha en une idole capable de dispenser le bonheur — ce ne serait que superstition — mais nous en ferons l'unique modèle vers lequel devons tendre tous les actes de notre vie.

Le bouddhisme n'est pas uniquement la manifestation d'un sentiment religieux déjà épuré, il constitue un principe de paix et un symbole d'union au-dessus des rivalités économiques et de l'antagonisme des races.

Dans l'ordre social, le bouddhisme est la plus précieuse et la plus sûre des disciplines parce qu'elle naît dans l'individu lui-même, parce qu'elle est toute active.

Loin d'être fondé sur la crainte ou l'intérêt, le bouddhisme est une religion de joie et de sympathie.

Pénétrés de la grandeur de l'œuvre, convaincus que le bouddhisme est la source de la culture morale la plus haute et la plus pure qui ait contribué à façonner notre âme et, estimant que les pagodes sont des instruments qui maintiennent notre Religion, nous avons travaillé, avec le concours de tous, à la construction de ce sanctuaire.

Mais les faibles moyens dont nous disposons ne nous permettraient pas d'envisager telles entreprises si nous n'étions pas constamment encouragés, soutenus par notre Société-Mère de Hué dont la plupart des membres sont ici présents. Aussi, me suis-je fait aujourd'hui un impérieux devoir de leur renouveler nos bien sincères remerciements.

Mesdames, Messieurs,

Il est dans l'esprit de certaines personnes que les pagodes sont des retraites pour les bonzes ou des asiles pour les déshérités. Telle n'est pas la destination de la nôtre ; elle nous servira de lieu de recueillement, de siège à notre groupement, et enfin, de salle de lecture où nous viendrons puiser les connaissances nécessaires au perfectionnement de notre état.

Aussi c'est avec une joie émue que nous célébrons aujourd'hui la fête d'inauguration de cette pagode qui marque, pour la réalisation de notre but, une nouvelle étape que nous notons avec une légitime fierté.

Mesdames, Messieurs,

S'il m'est permis de formuler un souhait, je ne souhaite pas que notre pagode dure autant que les monuments les plus solides, car les monuments, de quelle nature qu'ils soient, finissent par s'écrouler ; je ne souhaite pas qu'elle dure autant que le monde, car le monde lui-même est sujet à transformations et changements ; plus grande est mon ambition, je souhaite qu'elle dure autant que la Vérité, car la Vérité est un incessant renouveau qui n'a ni commencement, ni fin, la Vérité seule est éternelle.

Bài diễn văn trên do ông Nguyễn-bá-Duy dịch ra quốc-văn.

Bầm quan Đốc-Lý,

Thưa quý ngài,

Tôi xin thay mặt toàn-thể Hội-viên Chi-Hội An-Nam Phật Học mà tỏ lời cảm tạ quan Đốc-Lý Đà-Nẵng đã có lòng bỏ phí một ít thì giờ vàng ngọc của ngài mà đến chủ-tọa lễ Khánh-thành này. Sự đến dự lễ của ngài hôm nay đối với toàn-thể Chi-Hội chúng tôi thật là một vinh-dự đặc sắc, một cái ân-huệ rõ ràng, chúng tôi lấy làm đội ơn vô cùng.

Chúng tôi lại xin cảm ơn tất cả quý ông, quý bà đã quan lâm đến dự lễ hôm nay.

Đứng trước ngôi chùa trang nghiêm tráng lệ này chúng tôi không thể nào quên ông Đấng-cao-Đệ đã có công miếu-họa và kiến-trúc; ông Lê-viết-Triết đã dùng hết cái tài điêu-khắc mà tô đắp pho tượng đức Phật. Cả hai ông đã phát từ-tâm chẳng nề công lao nên cái cơ sở của chúng tôi mới được mỹ-lệ như vậy, chúng tôi xin lấy lòng thành thiết cảm tạ hai ông.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn tất cả các Ông, các Bà hoặc quen hay lạ, hoặc xa hay gần, đã phát Bồ-Đề-tâm mà quyền cùng vào Hội để thành-lập được ngôi chùa này, để giúp chúng tôi đạt được mục-dịch.

Thưa quý Ông, quý Bà, cái mục-dịch mà chúng tôi vẫn đeo đuổi, đeo đuổi mãi, là cái mục-dịch gì ? Thưa, cái mục-dịch rất đơn giản, chúng tôi có thể tiêu lên hai cái yếu-diểm sau này là học Phật và thực-hành hoằng-hóa theo chánh-pháp của Phật.

Những óc mê-tín, những thói dị-đoan cùng những kẻ đâm đuột trong cuộc đời, sẽ nhờ đạo Phật là đạo bất sanh bất diệt mà giác-ngộ, mà giải-thoát.

Đức Chí-Tôn chỉ cho chúng ta thấy cái sai lầm trong các điều dục-vọng hư-ảo của chúng ta. Ngài lại dạy ta tự tu mà giải-thoát. Ngài dạy chúng ta phải biết từ, bi, hỷ, xả, lợi-kỷ, lợi-tha.

Chúng ta nên biết rằng chúng ta phải tự tin ở chúng ta, phải tự-chủ lấy chúng ta; mỗi sự hành-vi, mỗi cái tư-tưởng cho đến cái buồn, cái vui đều là trách-nhiệm ở chúng ta cả. Dầu một việc làm, nhỏ mọn đến đâu cũng có ảnh-hưởng, ảnh-hưởng cho đời hiện-tại, tức là cái quả cho đời vị-lai. Chúng ta chớ nên tưởng Phật tượng là một vật từ-khi dễ mà mê-tin, chúng ta chỉ nên tôn Ngài là mỗi cái gương để noi theo mà thực-hành trên đường đời của chúng ta.

Đạo Phật chẳng những là một tôn-giáo thanh-cao mà thôi, mà lại là một chủ-nghĩa bác-ái liên lạc tất cả nhơn-loại. Trong thế-gian này đạo Phật là một phương-pháp giữ hòa-bình và giữ trật-tự rất chắc chắn, rất vững bền.

Chúng tôi vẫn biết rằng công việc hoằng-pháp rất trọng-đại, nhưng chúng tôi đã tin đạo Phật là một nguồn đào tạo tâm-lý, vừa cao siêu vừa thiết-thiết; chúng tôi lại nhận những ngôi chùa là những nơi duy-trì tôn-giáo của Phật, nên chúng tôi cùng với các thiện-tín mới kiến-tạo ra cảnh chùa này.

Công việc to tát, mà tài lực hẹp-hoài, chi-hội chúng tôi cũng nhờ hội Trung-ương ở Huế giúp đỡ lắm, nên mới được thành tựu chí-nguyện. Chúng tôi xin các ngài Đại-biêu Trung-ương hiện diện đây thay mặt Hội nhận lời cảm tạ thành thật của chúng tôi.

Thưa các ngài

Có nhiều người cho rằng những cảnh chùa là nơi hư-tức của các nhà sư hay là chỗ ăn-tụ của những kẻ bất đắc chí, nhưng cái chùa của chúng tôi đây không phải thế. Chùa chúng tôi chỉ là một nhà tinh-xá, một nơi giảng đường, một cái thư-viện để cho chúng tôi tiện bề khảo-cứu giáo-lý nhà Phật và tu tỉnh tâm thần.

Thưa Quý Ngài, bây giờ tôi chỉ còn một điều ước nguyện ; tôi không nguyện cho chùa này được lâu bền như các lâu, đài, thành, quách, vì những lâu đài thành quách dầu vững bền, dầu khéo, dầu đẹp đến đâu đi nữa cũng có ngày phải đổ nát ; tôi không nguyện cho cái chùa này lâu bền như thế-giới kia, vì thế-giới kia có ngày cũng không tránh khỏi cuộc tang-thương. Theo cái ý muốn to tát của tôi, tôi chỉ nguyện cho chùa này lâu bền như Chơn-lý, vì chỉ có Chơn-lý là thường-tồn, vô-thủy, vô-chung, vô cùng, vô-lận !

Tinh Hoa

Tuần báo Văn chương và Mỹ thuật do ông Nguyễn cao Luyện sáng lập và làm Giám đốc chánh trị, ông Đoàn phú Tứ làm Chủ nhiệm kiêm chủ bút, ông Vũ đình Liên làm quản lý.

Bộ biên tập có những ông: Thế Lữ Nguyễn nhược Pháp, Đỗ đức Thu, Phạm văn Hạnh v. v.

Báo ra ngày thứ bảy giá mỗi 0\$07.

Số đầu ra ngày 13 Mars 1937.

Tòa báo: 48 Phố Richard Hanoi

Chúng tôi xin giới thiệu báo: « Tinh hoa » cùng chư vị độc giả và xin chúc mừng bạn đồng nghiệp.

VIÊN ÂM



DIỄN - ĐÀN

Bài Giảng của bà THÍCH-DIỆU-VIÊN trong lễ khánh thành chùa chi Hội An-Nam Phật Học ở Đà-nẵng

Phật-học của phái phụ-nữ

Nam-mô A-Di-Đà Phật

Nhơn nay là ngày khánh-thành của một ngôi chùa rất hy-hữu, một ngôi chùa chuyên về mục-dịch lợi-sanh hoằng pháp, tức là chùa Chi-hội Đà-thành, nên tôi được cái hân-hạnh tùy-bỉ theo cái mục-dịch lớn lao ấy, nói chuyện cùng quý bà, cùng các chị em thỉnh giả về vấn-đề « Phật-học của phái phụ-nữ »; song chỗ tu học của tôi còn kém sút, lời lẽ chắc không được rõ ràng, vậy quý bà và chị em đã có lòng vì đạo đến nghe hôm nay, tôi cũng xin lượng chỗ kém sút của tôi mà hoan-hỷ cho; ấy cũng là khuyến khích cho phái phụ-nữ học Phật về sau vậy.

Lâu nay trong xứ ta, dư-luận đối với phong-trào Phật-học của phái phụ-nữ thiệt rất phân vân. Lắm người không hiểu phụ-nữ học Phật để làm gì, có ích-lợi gì nên sanh ra nhiều cái quan-niệm sai lầm cần phải cải chánh.

Cái nguyên-do của những dư-luận sai lầm ấy là vì họ thấy lắm người theo Phật chỉ biết những sự cúng vái kêu cầu hoặc cầu danh cầu lợi, hoặc cầu tài cầu phúc; khi cầu được linh-nghiem thì lại sanh ra tham-tâm cầu thêm sự này vật khác; mà đến khi cầu một sự gì không linh-nghiem thì đã mất lòng tín-ngưỡng. Vẫn biết chư Phật Bồ-Tát từ-bỉ vô-lượng, pháp-lực vô biên, nhưng nếu đem tâm tham-ác, tâm tà-vạy mà cầu Phật thì không khi nào có cảm-ứng được.

Đó là một nguyên do; còn nguyên-do thứ hai là vì họ thấy lắm người yếu lược hèn nhát, không đủ năng-lực mà

đối phó với đời, nên sanh ra chán nản, tìm những chỗ u nhân tịch mịch, ngấm nga ít quyền kinh, vài câu kệ cho qua ngày tháng. Đối với đời, bọn kia đã đánh là một kẻ ăn không ngồi rồi, mà đối với phần riêng, cũng chẳng thấy tâm-trí họ tấn-hóa được một phần nào cả.

Lắm người thấy sự hành-vi sai lạc thứ nhứt kia, nên họ hiểu lầm rằng đạo Phật làm cho phụ-nữ thêm lòng mê-tín, bỏ cả phận sự trong gia-đình, bỏ cả công ăn việc làm, làm cho phụ nữ hết cúng sao thì cúng hạn, hết cúng đất thì cúng thành, đến nỗi hao tiền tốn của, rồi trí loạn tâm, thêm lòng ý-lại và mất sự tự-tín. Thấy cái lối hành vi thứ hai thì họ lại hiểu lầm rằng đạo Phật làm cho người trở nên nhát nhóm yếu lược, mất cả tinh-thần tự-lập, mất cả chí-khí cương quyết, có thể làm trở ngại cho sự tấn-hóa của Nhơn-loại. Thế rồi họ kích-bác đạo Phật là mê-tín, là yếm-thế.

Thưa quý bà và các chị em, đối với lối công-kích những sự hành-vi như trên, chính tôi cũng xin cực-lực tán-thành, và tôi rất trông mong cho ai ai cũng đều đề ý bài-xích những lối hành-vi như vậy, vì nó rất có hại cho sự tấn-hóa của tâm-trí loài người.

Nam-mô A-Di-Đà Phật, tôi là một người xuất-gia theo Phật, lại tán-thành những sự công-kích đạo Phật như trên, chỉ cho khỏi các thỉnh giả đều lấy làm lạ, nhưng tôi đâu có tán-thành những lối công-kích đạo Phật, tôi tán-thành là tán-thành những lối công-kích các sự hành-vi không đúng với đạo Phật, vì đạo Phật đâu có những lối hành-vi quái gở như vậy. Chánh-pháp ví như lúa, những lối hành-vi sai lầm kia ví như cỏ, vì cỏ loạn lúa nên phải nhổ cỏ cho lúa tốt. Vậy phần-khán những lối hành-vi sai lầm kia tức là hộ-trì chánh-pháp, càng công-kích bao nhiêu thì càng được công-đức bấy nhiêu. Chúng ta cần phải bài-bác những sự mê-tín, những lối hu-vọng kia để cùng nhau mở một con đường chơn-chánh Phật-học cho phái phụ-nữ.

Thế nào là chơn chánh Phật học ?

Thế nào mới thật là học Phật ?

Thưa, học Phật là dứt trừ phiền - não, như lòng tham, lòng giận, lòng ích - kỷ, lòng ngã-chấp, và tu tập các đức-tánh từ-bi-hỷ-xã. Tâm-tánh phụ-nữ chúng ta thường hay yếu lược, đa sầu đa cảm, nên gặp một sự hơi trái thì chúng ta đã hờn giận, gặp một cảnh hơi buồn thì chúng ta đã khóc than, thấy cái gì lạ thì chúng ta đã e ngại, thấy cái gì vui thì chúng ta dễ mê đắm ; vì cái tánh đa sầu đa cảm ấy nên khi gặp nghịch-cảnh, phụ-nữ chúng ta thường hay thất vọng và sự phiền rầu của chúng ta có phần hơn phái đàn-ông nhiều lắm. Nếu chúng ta cứ giữ cái tánh yếu lược, cái tánh đa sầu đa cảm kia, không luyện tập tâm-tánh cho được sáng suốt mạnh mẽ, thì trong cái hoàn-cảnh éo le này, rủi gặp những sự không may, chúng ta còn biết làm thế nào cho đủ năng-lực đương tim phương-pháp mà đối phó.

Muốn đào-luyện tâm-tánh của phái phụ-nữ chúng ta cho được mạnh mẽ, thì phụ-nữ chúng ta cần phải học Phật, vì có học Phật mới đoạn-trừ được các phiền-não như lòng tham muốn hờn giận, như lòng kiêu-căng tật đố, như lòng ích-kỷ chấp ngã, nghĩa là những nguồn gốc của sự yếu lược, của sự đa sầu đa cảm. Trừ được cái nguồn gốc yếu lược đa sầu đa cảm ấy rồi, chúng ta mới có thể nương theo cái tâm rộng lớn mà tu tập cái tánh từ-bi-hỷ-xã của Phật, dầu gặp nghịch-cảnh thuận-cảnh, chúng ta cũng vẫn lấy tâm bình-thường mà đối-phó, không còn bị cái gì xoay chuyển, không còn bị cái gì trở ngại được nữa.

Song muốn đoạn-trừ phiền-não mê-hoặc, tu tập từ-bi-hỷ-xã thì trong các phép tu, không phép tu nào bằng phép tu niệm Phật. Vì sao ? Vì tâm-tánh mê lầm phiền-não là tâm-tánh chúng sanh, tâm-tánh an vui sáng suốt, từ-bi hỷ-xã là tâm-tánh của Phật. Chúng ta phải hằng ngày niệm cái tâm-tánh an vui sáng suốt, từ-bi hỷ-xã ấy thì mới dứt được những sự phiền-não mê-lầm của chúng sanh và chứng được tri-huệ công-đức của chư Phật.

Pháp niệm Phật có ba điều cốt yếu là tin, hạnh và nguyện.

I) TÍN

là lòng tin.

A) Điều thứ nhất, chúng ta phải phát-tâm tin chắc rằng tâm-tánh chúng ta vẫn đồng với tâm-tánh của Phật, vẫn có thể tấn-hóa đến nơi tâm-ánh của Phật. Chúng ta thử nghĩ chúng ta khi mới sanh ra, nào có biết gì đâu; đến sau người học chữ nghĩa thì biết làm văn làm bài, người học thêu thùa thì biết thêu rồng dệt phụng, hề học nghề gì thì biết nghề ấy; lại người tập làm việc lành thì hóa ra người lành, người tập làm việc dữ thì hóa ra người ác, tâm-tánh của chúng ta vẫn không nhứt định là thế nào cả. Tâm-tánh chúng ta đã không nhứt định, vậy nếu chúng ta quyết lòng tu tập cho được như tâm-tánh của Phật, thì chắc một ngày kia chúng ta cũng được thành Phật. Huống chi tam-thể chư Phật không phải tự nhiên thành Phật, các ngài đều nhờ tu tập mớiặng thành Phật; vậy hiện nay đã sẵn các phương-pháp của Phật dạy, chúng ta hãy gắng theo các phương-pháp ấy mà tu trì thì lo gì một ngày kia không thành chánh-quả.

B) Điều thứ hai, chúng ta phải tin chắc rằng duy có các đức Phật mới được tự-tại giải-thoát, thường-trú bất diệt, trí-huệ vô biên, công đức viên-mãn. Chúng ta thử nghĩ chúng ta lâu đời lâu kiếp, chết rồi sống, sống rồi chết, đời nào cũng đau ốm cực khổ, đời nào cũng tử biệt sanh ly, mẹ khóc con, vợ khóc chồng, nước mắt chứa tràn biển, đồng xương chất đầy non. khổ sở kè sao cho xiết. Chúng ta thử xét trong một đời chúng ta, những cái thì giờ vui sướng thiệt chẳng bao lâu, mà những cái thì giờ buồn bực lo nghĩ thì đã dài lắm rồi; vậy cái lối sống như cái lối sống của chúng ta thiệt là một lối sống khổ, một lối sống mà chúng ta cần phải cải-cách. Muốn cải-cách cái lối sống khổ ấy, chúng ta cần phải sửa đổi tâm-tánh, sửa đổi cái tâm-tánh lo buồn, hèn yếu ra cái tâm-tánh an vui mạnh mẽ, sửa đổi cái tâm-tánh sống rày chết mai ra cái tâm-tánh thường còn không mất, sửa đổi cái tâm-tánh nhắm mắt

làm càng ra cái tâm-tánh tự-tại sáng suốt, sửa đổi cái tâm-tánh phiền-não mê lầm ra cái tâm-tánh toàn-chơn toàn thiện. Chúng ta hằng ngày sửa đổi như vậy, đến khi công-hạnh được hoàn toàn thì được thành Phật. Đó là mọi việc mà ai ai cũng có thể làm, chứ không phải là một lối độc quyền của các đức Phật.

C) Điều thứ ba, chúng ta phải tin chắc nơi đức-tánh từ-bi-hỷ-xả của chư Phật. Chúng ta còn cái tâm phân biệt người khác, mình khác, mình là thân, người là sơ, nên tâm-tánh chúng ta hẹp hòi, chỉ biết đến mình chứ không biết đến ai cả. Chư Phật thì khác hẳn, chư Phật đã được trí vô-ngã, trí bình-đẳng, sáng suốt rộng lớn bao trùm cả vũ-tru, nên xem tất cả chúng sanh đều đồng một thể với mình không sai không khác, và được đức-tánh từ-bi-hỷ-xả vô-biên vô-lượng. Từ bi hỷ xả là thế nào?

TỪ nghĩa là thương yêu. Chúng sanh vẫn có lòng từ, nhưng lòng từ của chúng sanh hẹp hòi, chỉ cuộc vào nơi con cái mình mà thôi. Đức từ của Phật thì khác hẳn, đức từ của Phật khắp cả mười phương, Phật xem tất cả chúng sanh đều như con cái, thường chăm sóc cho chúng sanh được an vui, dầu chúng sanh độc dữ ngoan ngược thế nào, Phật cũng vẫn thương yêu không hề ghét bỏ, ấy là đức từ.

BI nghĩa là thương xót. Chúng sanh cũng có thương xót những kẻ đau khổ, song lòng thương xót của chúng sanh vì có hạn lượng nên không được rộng lớn. Đức bi của Phật thì khác hẳn, Phật xem chúng sanh vẫn đồng một thể, Phật thấy chúng sanh vì mê lầm mắc phải đau đớn khổ sở nên Phật thương cứu vớt chúng sanh thoát khỏi các sự khổ não.

Lắm lúc chúng sanh cầu khẩn chư Phật không được hiệu nghiệm lại sanh lòng oán trách là vì chúng sanh không rõ đức từ-bi của chư Phật, chứ chư Phật xét rõ tất cả tâm-niệm của chúng sanh, lắm khi vì biết chúng sanh nếu được mãn-nguyện thì sẽ gây nhiều nghiệp dữ và phải chịu khổ-não hơn nữa, nên không y theo chỗ sở

nguyện của chúng sanh đó thôi. Cũng như cha mẹ dạy con muốn cho con nên người, lắm khi la mắng kèm thúc, không tỏ sự thương yêu trước mặt, để cho con chăm lo học tập; chứ Phật cũng vậy, chứ Phật muốn cho chúng sanh thành chánh-quả, dứt cả các sự khổ được an vui đời đời kiếp kiếp, nên lắm khi không y lời khẩn cầu của chúng sanh vậy. Song nếu chúng sanh hồi-tâm hướng thiện, sám hối nghiệp chướng, một lòng cầu chứ Phật hộ-trì thì quyết định được độ thoát ra khỏi các sự khổ não; ấy là đức bi.

HI Hỉ là hoan-hỉ. Chúng sanh vẫn có lòng hỉ là lòng vui mừng, song cái vui mừng của chúng sanh là cái vui mừng đối đãi với sự lo buồn, cái vui mừng thường đeo theo sự lo buồn nên không gọi là đức hỉ. Chứ Phật thì khác hẳn, chứ Phật thường từ-bi cứu-độ chúng sanh, thấy chúng sanh phát-tâm qui-y tam-bảo, thấy chúng sanh được vui, thoát khổ, thấy chúng sanh chăm lòng tu tập theo phép giải-thoát thì hoan-hỷ. Đức hoan-hỷ của Phật rộng lớn cho đến nỗi dầu chúng sanh lo buồn đến bậc nào, hễ thành tâm lạy Phật, niệm Phật thì cũng được vui vẻ. Lại đối với những chúng sanh hung dữ, Phật vẫn hoan-hỉ mà cứu-độ, không bỏ một chúng sanh nào, cho đến Phật vào Địa-ngục mà cứu-độ chúng sanh mà cũng vẫn hoan-hỉ. Ấy là đức hỉ.

XÃ là phông xả, không dính dấp một việc gì cả. Chúng sanh cũng có xả, nhưng chỉ xả những chuyện mình không thích mà thôi. Đức xả của chứ Phật thì khác hẳn, chứ Phật làm vô lượng vô biên công đức, cứu độ vô lượng vô biên chúng sanh mà không thấy một pháp gì là thiệt có, không thấy thiệt có mình, không thấy thiệt có Phật, không thấy thiệt có chúng sanh, không thấy thiệt có làm việc, không thấy thiệt có việc làm, vì chứ Phật nhận rõ cái pháp-tánh như-như bình đẳng. Ấy là đức xả; cái đức ấy đã làm cho chứ Phật được vô lượng tinh tấn.

D) Điều thứ tư là tin chắc nơi nguyện lực của đức Phật A-Di-Đà.

— Đức Phật A-Di-Đà có phát lời nguyện rằng : « Khi ngài thành Phật, nếu có chúng sanh niệm danh-hiệu ngài, nguyện sanh về thế-giới của ngài thì đều đặng vãng sanh ; nếu không đặng như nguyện thì ngài không thành Phật ». Nay đức Phật A-Di-Đà đã thành Phật rồi, tức là bản nguyện của ngài đã viên-mãn rồi, vậy hễ ai niệm tên ngài, phát nguyện sanh về cõi ngài thì đều chắc được vãng-sanh cả.

II) Hạnh

Hạnh nghĩa là thiết-hành niệm Phật, như trước tôi vừa nói, chúng ta trong khi niệm Phật cần phải biết Phật là thế nào thì mới thiết chắc là niệm Phật và mới có thể đổi cái tâm - tánh chúng sanh ra tâm-tánh của Phật. Vậy niệm Phật không phải chỉ niệm nơi đâu mới, mà cần phải tham-cứu đức-tánh của Phật thì mới chắc có hiệu-quả. Tham-cứu rõ đức tánh của Phật thì mới gọi là chánh-tín, không tham-cứu rõ đức-tánh của Phật thì là mê-tín, mê-tín thì khó bề được hiệu-quả lắm. Lại chúng ta cần phải rèn-đúc tín-tâm như bốn đề vừa nói thì mới chắc được kết-quả viên-mãn.

Phép tu niệm Phật, tóm lại có hai phép là tri-danh và quán-tưởng :

a) Tri-danh

Tri-danh nghĩa là niệm tri danh hiệu của Phật. Trừ ra những buổi công-phu, chúng ta cần phải niệm-tri danh-hiệu của Phật mãi để giác tỉnh cái tâm mê-vọng của chúng ta. Khi chúng ta hôn giận, nóng nảy thì chúng ta phải niệm đức từ của Phật mà tiêu trừ. Khi chúng ta thấy người đau khổ thì phải niệm đức bi của Phật mà cứu vớt, khi chúng ta buồn bực phiền hà thì phải niệm đức hỷ của Phật mà tiêu trừ, khi chúng ta ham muốn lười biếng, ích-kỷ, mê-dắm, lầm lạc thì phải niệm đức xả của Phật mà diệt-độ.

Chúng ta hằng ngày niệm tri danh hiệu của Phật như vậy, thì chính nơi hiện tại, chúng ta đã hóa thành một người hiền lành sáng suốt, siêng năng ngay thẳng và đã hưởng được cái vui riêng của những bậc giải-thoát.

b) Quán-tưởng

Quán tướng là lấy cái ý-tưởng chuyên chú mà quán ra đức Phật A-Di-Đà hay quán ra Tịnh-Độ.

Phép quán Tịnh-độ thì phải quán cả thế-giới này hóa thành Tịnh-Độ, nghĩa là quán cây cối đều thành bảo thọ, quán tất cả chúng sanh đều là Bồ-Tát La-Hán, quán tiếng chim kêu gió thổi đều là tiếng thuyết-pháp vân vân; song phép quán này có phần cao thâm ít ai tu được.

Phép quán đức Phật A-Di-Đà thì có phần dễ tu hơn nhiều. Người tu hành chuyên chú quán đức Phật A-Di-Đà, cho đến khi thấy ngài rõ ràng như một đức Phật hiện-tại. Quán như vậy từ buổi mai đến tối, không hề lúc nào là không có đức Phật hiện tại trước mặt mình cả. Thế rồi mới khởi sự tập làm các công - việc mà vẫn thường quán đức Phật trước mặt mình. Rồi hằng ngày từ khi buổi mai mở mắt dậy liền quán đức Phật hiện tiền và nhưt cứ nhưt động đều y theo cái tánh của Phật mà làm, chớ không y theo vọng niệm của mình nữa.

Tu tập mãi mãi như vậy thì chứng đạt đến chỗ « Phật tức tâm, tâm tức Phật. »

III) NGUYỆN

Nguyện là chí nguyện. Chúng sanh thì do nghiệp lực mà sanh Bồ-Tát thì do chí-nguyện mà sanh vậy muốn vãng sinh về Cực-Lạc thế-giới, cần phải phát nguyện. Muốn phát nguyện cho vững vàng, người tu đạo Phật cần phải tham-học các kinh điển để cho rõ cõi Tịnh-Độ là thế nào, rồi tâm tâm niệm niệm, quyết chí nguyện sanh về cõi ấy. Muốn cho chí nguyện bền vững, người niệm Phật cần phải hằng ngày cử-động như một người ở cõi Tịnh-Độ : như người ở Tịnh-Độ không có nam, nữ tướng, thì chính mình cũng phải không có nam nữ tướng, như người Tịnh độ mỗi buổi mai thường cúng dường chư Phật, thì mình mỗi buổi mai cũng phải cúng dường chư Phật, như người Tịnh-độ hằng ngày văn-kính thỉnh pháp thì mình hằng ngày cũng văn kính thỉnh pháp ; như người Tịnh-độ không có ngã-chấp thì mình cũng không có ngã-chấp vân vân; tùy theo chỗ hiểu của mình mà rèn đức chí-nguyện cho bền chắc thì mới chắc được vãng-sanh về Cực - lạc thế-giới.

Nam-mô A-Di-Đà Phật, phép niệm Phật là một phép tu hành rất giản dị và rất thiết-thiện, một người niệm Phật là một người nhơn-đức, một nhà niệm Phật là một nhà lương thiện, một nước niệm Phật là một nước đại-hùng, đại-lực, đại-từ-bi; một thế-giới niệm Phật là một cõi Tịnh-Độ. Tôi rất trông mong các ngài thính - giả hằng ngày thiết-hành tu phép niệm Phật và khuyên nhủ thân bằng quyến thuộc niệm Phật thì công đức kể sao cho xiết, và một ngày kia, thế-giới Ta-bà này sẽ thành thế-giới Cực Lạc.

Nam-mô Tây-phương Cực-lạc thế-giới A-Di-Đà Phật.

Pháp-Âm Phật-Học

tạp-chí

do Hội Tịnh-Độ Cư-Sĩ ở Cholon xuất
bản mỗi tháng một kỳ.

Tòa soạn tại chùa Tân Hưng Long

GIÁ	một năm	1\$50
	6 tháng	0\$80
	mỗi số	0\$15

Thư và mandat xin gửi cho ông
Lương văn Đường, boîte postale

CHOLON

N° 51

ĐẠI Ý KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Phật nương nơi kiến-tinh chỉ rõ Như-lai-tạng-tánh

(tiếp theo)

Phật chỉ rõ cái kiến-tánh là phi hòa-hiệp sanh và phi bất hòa-hiệp để khai-thị cho biết rằng phải ly tất cả danh tướng hý-luận của thế-gian mới tự chứng dựng Như-lai-tạng-tánh.

* * *

Trong đoạn trước, Phật đã chỉ dạy cho ông A-Nan cái nghĩa phi-nhơn-duyên, phi-bất-nhơn-duyên, thì lẽ ra đến đoạn này Phật không cần phải chỉ lại cái nghĩa phi-hòa-hiệp và phi-bất-hòa-hiệp, vì nhơn-duyên sanh tức là hòa-hiệp sanh, nhơn-duyên diệt tức là bất-hòa-hiệp diệt, chớ không chi khác. Tuy vậy, nhưng khi nói nhơn-duyên, phi nhơn-duyên thì phần nhiều nói về sanh-tướng, diệt-tướng, còn khi nói hòa-hiệp, phi-hòa-hiệp thì phần nhiều nói về trụ-tướng và dị-tướng, nghĩa là nói về tự-tướng và cộng-tướng của các pháp, nên đầu chỉ lại một lần nữa cũng không phải là vô-ích. Huống chi trong đoạn này Phật cốt phá chỗ ông A-Nan nghĩ rằng chứng tánh Bồ-Đề là nhờ các công-hạnh hòa-hiệp mà phát-khởi. Phật nhơn nơi kiến-linh chỉ rõ cái kiến-tánh là phi-hòa phi-hợp để cho ông A-Nan nhận rõ rằng Như-lai-tạng-tánh đối với các công-hạnh cũng là phi-hòa phi-hợp.

Sau khi ông A-Nan nghe rõ cái nghĩa phi-hòa-hợp rồi thì ông lại nghĩ rằng Như-lai-tạng-tánh đối với trần-cảnh và đối với các tâm-niệm là bất-hòa-hợp. Muốn phá cái vọng-chấp ấy, Phật lại nương nơi kiến-tánh mà chỉ rõ cái nghĩa phi-bất-hòa-hợp để cho ông A-Nan nhận biết rằng Như-lai-tạng-tánh chỉ có thể ly-ngôn-lự-chứng chớ

hồng thể đem các danh-tướng hý-luận của thế-gian mà phân-biệt được.

Lắm người nghe Phật bát nghĩa hòa-hiệp và bất-hòa-hiệp như vậy lại ngờ rằng những nghĩa nhưn-duyên hòa-hiệp là không đúng và cho rằng duy có cái nghĩa tự nhiên là đúng với sự thật. Nghi như vậy là sai lầm, vì chính cái nghĩa duyên-khỉ là cái nghĩa tối-thâm tối-diệu của đạo Phật. Vì các pháp vốn duyên-khỉ nên không có tự-tánh, vì các pháp vốn duyên-khỉ nên không thiết có, vì các pháp vốn duyên-khỉ nên như-huyễn; cái nghĩa duyên-khỉ như-huyễn không thiết tức là đệ-nhất-nghĩa. Vì nhân rõ các pháp đều như-huyễn không thiết nên không thể nương vào đâu mà gọi rằng có sanh; vì nhân rõ các pháp đều như-huyễn không thiết nên không thể nương vào đâu mà gọi rằng có tánh; vì không có sanh nên Phật dạy là phi-nhơn-duyên, vì không có tánh nên Phật dạy là phi-tự-nhiên, chứ không chi khác.

Muôn vật chỉ là các tướng huyễn-hóa do các nhưn-duyên giả dối hội-hiệp in tưởng có sanh, do các nhưn-duyên chia rẽ in tưởng có diệt; sanh diệt, hội-hiệp, chia rẽ, đều là giả danh chứ thiết ra thì muôn vật đều không thiết có, đều là duyên-khỉ như-huyễn, không có tự-tánh. Cái tánh « không có tự-tánh » đó tức là cái thực-tánh của muôn sự muôn vật, cũng tức là cái tánh diệu-chơn-như của Như-lai-tạng.

Hàng nhì-thừa không rõ diệu-chơn-như-tánh, thấy các nhưn-duyên cử nghiệp « tham, sân, si », hòa-hiệp tạo thành ra chúng sanh thế-giới, thấy các pháp « giới, định, huệ » diệt trừ những nhưn-duyên ấy và làm cho giải-thoát ra ngoài vòng chúng sanh thế-giới, nên hàng nhì-thừa chấp rằng thiết có mê, thiết có ngộ, thiết có sanh tử, thiết có Niết-Bàn, mà không rõ được cái nghĩa duyên-khỉ như-huyễn.

Thiết ra các pháp đã đều là duyên-khỉ thì các pháp đều là không thiết có, đều là không tự-tánh, cho đến các

nhơn-duyên cũng đều là không thiết có, cũng đều là không tự-tánh; vậy chính nơi giả dối hội hiệp mà sanh, thiết không có gì đáng gọi là sanh, chính nơi giả dối chia rẽ mà diệt, thiết không có gì đáng gọi là diệt, chính nơi giả dối hội- hiệp mà mê, thiết không có gì đáng gọi là mê, chính nơi giả dối chia rẽ mà ngộ, thiết không có gì đáng gọi là ngộ; vậy sanh, diệt, mê, ngộ đều là duyên-khí như-huyền không có tự-tánh; vì không có tự-tánh nên gọi rằng duy một tánh chơn-như bất sanh bất diệt của Như-lai-tạng.

Nói tóm lại, hạng nhị-thừa chỉ tu nhơn-giải-thoát mà được quả giải-thoát, chớ chưa hề nhận rõ cái nguồn gốc của nhơn-quả, nghĩa là chưa hề nhận rõ cái tánh diệu-chơn-như duyên-khí của Như-lai-tạng. Tánh diệu-chơn-như ấy, phải ly tất cả các danh-tướng hý-luận của thế-gian mà tự-chứng, nơi ấy sanh tức là vô-sanh, huyền-tướng tức là thiết-tướng, không còn những lời chơn-vọng đối đãi, những sự so đo phân-biệt. Tánh diệu-chơn-như là thiết-tánh của tất cả các pháp, dầu ngũ-ấm lục-nhập, thập-nhị-xứ, thập-bát-giới cũng đồng một diệu-chơn-như-tánh ấy.

Viên-Âm

(Còn nữa)



首楞嚴經

妙觀其則狂。非既卽華。目有見。藏目有勞。切是來者。入其難。從合合。來淨所發。一如空來出容。阿還當旋。如清無以有復。從空有不容出。故空。本以迴瞪復。亦非若若。自不目出。華陰人虛睛。華知華難入。空體從目。既五有睛目。狂當狂。阿空非難。既從去。何如一動見。陰諸是從若阿者。性者。云難性。難空。故空相難出。來空滅。目此有。難如阿明。無虛非阿目。空虛起。若卽若。眞睛人於亂。從從非相。入見。

翳晴因百其於受不既選又臂必身是非
當何非安順摩相來者空合入跡物觸緣
旋云本宴違相諸空來虛待觸蹤一爲因
空翳妄足無空熱從空應非則時有名非
翳無虛人手性於冷不若不應離入自罣本
既應陰人生掌滑是觸難身出知知入知妄
出目色有忘手澀如幻阿觸掌掌覺知合虛
者時眼知性如如二生復諸是不從則亦出待陰
見華明當然譬忽以妄亦是如何若合應知何受
無見清故自難適故中知難出掌觸故髓心來知性
若又號是非阿調無手當阿掌觸來出骨覺往當然
眼眼空空緣骸人二陰從能擇掌腕有中故自

口想非梅自此與本前亦不如無俱非
梅澀生者入聞崖妄續知生水方然應
酢酸梅生口耳懸虛相當空空十自性
說心從梅從蜀踢陰浪陰因離諸界流在
談足不若若想想波行不非則世暴現
人崔是說難說耳出如性流越性性生流此應
有懸如醉阿人待而當然暴踰流水空盡則今
如踢復是待須中故自如相是是非因無有相
譬思亦如何何耳是非譬不。如亦若成水有
難出知難入談聞不類緣難際是。難有難空溺因所
阿水當阿口自口何相因阿後如阿水阿虛淪若
中陰從合合水說非際復因是盡受水

水水本塞用非則應應本
非外妄瓶行是來地瓶妄
應有虛伽遼如方方瓶倒虛
時非陰頻里復彼彼本孔陰
清空行取千亦非若於開識
澄水知性人空知空難去入知性
則空當然有擎當虛阿空方當然
性離故自中陰是是貯此故自
水若是非譬滿識如如既若是非
卽流；緣難孔國難入中空出緣
若無因阿兩他阿方瓶虛空因
體。外非其餉此本少見非

(未完)

KINH DIỄN ÂM

THỦ-LĂNG-NGHIÊM KINH

TỤC

« A-nan, vân hà ngũ âm bản Như-lai-tạng diệu chơn như tánh ?

A-nan, thí như hữu nhơn dĩ thanh tịnh mục quan tinh minh không, duy nhất tinh hư hoảnh vô sở hữu, kỳ nhơn vô cố bất động mục tinh; trừng dĩ phát lao, tác ư hư không biệt kiến cuồng hoa, phục hữu nhứt thể cuồng loạn phi tướng; sắc âm đương tri diệc phục như thị.

A-nan, thí chư cuồng hoa phi từng không lai, phi từng mục xuất. Như thị A-Nan, nhược không lai giả, kỳ từng không lai, hoàn từng không nhập; nhược hữu xuất nhập, tức phi hư không; không nhược phi không, tự bất dung kỳ hoa tướng khi diệt, như A-nan thể bất dung A-nan.

Nhược mục xuất giả, kỳ từng mục xuất, hoàn từng mục nhập; tức thủ hoa tánh từng mục xuất cố, đương hợp hữu kiến; nhược hữu kiến giả, khứ kỳ hoa không, triền hợp kiến nhãn; nhược vô kiến giả, xuất kỳ ẽ không, triền đương ẽ nhãn, hựu kiến hoa thời, mục ưng vô ẽ, vân hà tinh không, hiệu thanh tịnh nhãn?

Thị cố đương tri sắc âm hư vọng, bản phi nhơn duyên; phi tự nhiên tánh.

A-nan thí như hữu nhơn, thủ túc yên an, bách hải điều thích, hốt như vong sanh, tánh vô vi thuận. Kỳ nhơn vô cố dĩ nhị thủ chưởng ư không tương ma, ư nhị thủ trung vọng sanh sát hoạt lãnh nhiệt chư tướng; thọ ấm đương tri diệc phục như thị.

A-nan, thí chư huyền xúc bất từng không lai, bất từng chưởng xuất. Như thị A-nan, nhược không lai giả, kỳ năng xúc chưởng hà bất xúc thân, bất ưng hư không tiền trạch

lai xúc ; nhược từng chưởng xuất, ưng phi đãi hợp ; hữu chưởng xuất cổ, hợp tắc chưởng tri, ly tắc xúc nhập, tỷ uyển cốt tủy ưng diệp giác tri nhập thời từng tĩnh, tất hữu giác tâm tri xuất tri nhập, tự hữu nhứt vật thân trung vắng lai, hà đãi hợp tri yếu danh vi xúc. Thị cổ đương tri thọ ẩm hư vọng, bản phi nhơn duyên, phi tự nhiên tánh.

A-nan, thí như hữu nhơn đàm thuyết tác mai, khẩu trung thủy xuất; tự đập huyền nhai, tức tâm thoan sát; tướng ẩm đương tri diệp phục như thị.

A-nan, như thị tác thuyết, bắt từng mai sanh, phi từng khẩu nhập. Như thị, A-nan, nhược mai sanh già, mai hợp tự đàm, hà đãi nhơn thuyết; nhược từng khẩu nhập, tự hợp khẩu văn, hà tu đãi nhĩ; nhược độc nhĩ văn, thử thủy hà bất nhĩ trung nhĩ xuất. Tướng đập huyền nhai, dữ thuyết tương loại. Thị cổ đương tri tướng ẩm hư vọng, bản phi nhơn duyên, phi tự nhiên tánh.

A-nan, thí như bộc lưu, ba lãng tương tục, tiền tế hậu tế bất tương du việ; hạnh ẩm đương tri diệp phục như thị.

A-nan, như thị lưu tánh, bất nhơn không sanh, bất nhơn thủy hữu, diệp phi thủy tánh, phi ly không thủy. Như thị, A-nan, nhược nhơn không sanh, tắc chư thập phương vô tận hư không, thành vô tận lưu, thế giới tự nhiên cu thọ luân-nịch.

Nhược nhơn thủy hữu, tắc thử bộc lưu, tánh ưng phi thủy, hữu sở - hữu tướng, kim ưng hiện tại.

Nhược tức thủy tánh, tắc trùng thanh thời ưng phi thủy thể.

Nhược ly không thủy, không phi hữu ngoại, thủy ngoại vô lưu. Thị cổ đương tri hạnh ẩm hư vọng, bản phi nhơn duyên, phi tự nhiên tánh.

A-nan, thí như hữu nhơn, thử tần-già bình, tắc kỳ lưỡng không, mản trung kinh không, thiên lý viễn hành, dụng hướng tha quốc; thức ẩm đương tri diệp phục như thị.

A-nan, như thị hư không phi bỉ phương lai, phi thử phương nhập. Như thị A-nan, nhược bỉ phương lai, tắc bản bình trung ký trữ không khứ, ư bản bình địa ưng thiếu hư không. Nhược thử phương nhập: khai không đáo bình, ưng kiến không xuất. Thị cổ đương tri thức ẩm hư vọng, bản phi nhơn duyên, phi tự nhiên tánh.

(Vị hoán)

Kinh Diển Nghĩa

KINH THU - LĂNG - NGHIÊM (Suramgama)

(Tiếp theo)

« A-Nan, vì sao bản-lánh của ngũ-ấm là như-lai-tạng diệu-chơn-như-tánh?

A-Nan, ví như có người đem con mắt trong sạch mà xem cái hư-không sáng suốt yên lặng thì người ấy chỉ thấy rỗng trống không có gì suốt; người kia bỗng dừng ngó sừng không nháy mắt, ngó chăm mãi mỗi mắt, thì ở giữa hư-không lại thấy phát-sanh ra những hoa-đốm và những tướng giả-dối lăng xăng lộn lạo; cho biết cái sắc-ấm lại cũng như vậy.

A-Nan, các hoa-đốm đó chẳng phải từ hư-không mà đến, chẳng phải từ con mắt mà ra. Thiết vậy, A-Nan, nếu hoa-đốm từ hư-không mà đến, thì về sau nó phải trở vào lại trong hư-không; nhưng nếu có vật đi ra đi vào, thì lại không phải là hư-không; mà nếu hư-không không phải là hư-không, thì lại không thể mặc dầu cho hoa-đốm khi sanh khi diệt, cũng như cái thân-thể của A-Nan không dung-nạp được thêm một A-Nan nữa.

Còn như hoa-đốm từ con mắt mà ra thì đã từ con mắt mà ra, tất nhiên phải trở lại lui vào con mắt. Hoa-đốm đã từ con mắt mà ra thì lẽ phải có tánh thấy, mà nếu có tánh thấy, thì khi đi ra làm hoa-đốm giữa hư-không, xoay trở lại tất nhiên phải thấy được con mắt; còn như không có tánh thấy thì khi đi ra đã làm bóng lòa giữa hư-không, đến khi trở về tất nhiên phải làm bóng lòa nơi con mắt; nếu vậy thì khi thấy hoa-đốm lẽ ra con mắt không lòa, vì sao lại chỉ khi thấy hư-không rỗng suốt mới gọi là con mắt trong sạch. Vậy ông nên biết rằng cái

sắc-ấm là lưỡng đối, vốn chẳng phải là tánh nhơn-duyên-sanh (1) cũng chẳng phải là tánh tự-nhiên (2).

A-Nan, ví như có người, tay chân yếm ớn, nắm vốc điều-hòa, thoặt như quen mình không có tánh trái, tánh thuận (3); người ấy bỗng đứng lấy hai bàn tay xoa nhau giữa hư-không thì ở nơi hai bàn tay, l i giả dối sanh ra các tướng nào rít, nào trơn, nào lạnh, nào nóng; cho biết cái thọ-ấm lại cũng như vậy.

A-Nan, những cái cảm-xúc lạnh nóng kia chẳng phải từ hư-không mà đến từ bàn tay mà ra. Thiết vậy, A-Nan, nếu các cảm-xúc lạnh nóng từ hư-không mà đến thì đã đến làm cảm-xúc nơi bàn tay, sao lại không đến làm cảm-xúc nơi thân-thể, không lẽ cái hư-không lại biết lựa chỗ mà đến làm cảm-xúc.

Nếu từ bàn tay mà ra thì lẽ đáng lúc nào cảm-xúc cũng cứ ra, không cần phải đợi hai tay hiệp lại; lại nếu từ bàn tay mà ra thì khi hiệp lại, bàn tay biết có cảm-xúc, đến khi rời nhau thì cái cảm-xúc ấy tất phải chạy vào và xươg tủy trong hai cánh tay phải biết cái cảm-xúc đi vào đến chỗ nào; lại phải có cái tâm tri-giác biết lúc nào ra lúc nào vào, rồi lại phải có một vật gọi rằng cảm-xúc đi tới đi lui trong thân-thể, chớ sao lại đợi đến khi hai tay hiệp lại phát ra tri-giác mới được gọi là cảm-xúc. Vậy ông nên biết rằng cái thọ-ấm là lưỡng đối vốn chẳng phải là tánh nhơn-duyên-sanh, cũng chẳng phải là tánh tự-nhiên.

A-Nan, ví như có người nghe nói trái mơ chua thì trong miệng nước miếng đã chảy, nghĩ đến trào lên dốc đứng thời trong lòng bàn chân đã nghe đau mỗi; cho biết cái tướng-ấm lại cũng như vậy.

1) *Tánh nhơn-duyên sanh* là cái tánh do các nhơn-duyên nhóm hiệp mà sanh ra.

2) *Tánh tự-nhiên* là cái tánh tự mình sẵn có như vậy.

3) *Thoặt như quen mình không có tánh trái, tánh thuận*, nghĩa là cả mình yếm, ớn, toàn là đồng-thể, không có cảm-giác gì đặc-biệt: lạnh nóng, trơn, rít, vân vân.

A-Nan, cái tiếng nói mơ chưa đó, chẳng phải từ trái mơ mà sanh, chẳng phải do cái miệng mà vào. Thiết vậy, A-Nan, nếu từ trái mơ mà sanh, thì trái mơ cứ tự nói mình là chưa, sao lại phải đợi có người ta nói. Nếu do cái miệng mà vào thì lẽ đáng cái miệng phải tự mình nghe tiếng, chớ sao lại cần có lỗ tai. Còn nếu riêng một mình lỗ tai nghe thì sao nước miếng lại không chảy nơi lỗ tai ? Cái tướng mình leo dốc mà đau mỗi trong lòng bàn chân cũng tương tự như thế. Vậy ông nên biết rằng cái tướng-ấm là luống dối vốn chẳng phải là tánh nhơn-duyên-sanh cũng chẳng phải là tánh tự-nhiên.

A-Nan, ví như dòng nước dốc, sóng mỗi nổi nhau, lớp trước lớp sau vẫn không vượt, nhảy lộn lạo ; cho biết cái hành-ấm (1) lại cũng như vậy.

A-Nan, dòng nước như vậy, chẳng phải nhơn hư-không mà sanh, chẳng phải nhơn nơi nước mà có, chẳng phải là cái tánh của nước, cũng chẳng phải ra ngoài hư-không và nước. Thiết vậy, A-Nan, nếu dòng nước dốc nhơn nơi hư-không mà sanh thì cả hư-không vô tận trong mười phương đều thành giòng nước vô tận, mà tất cả thế-giới tự phải đều bị chìm đắm. Nếu nhơn nơi nước mà có thì cái tánh của dòng nước dốc ấy lẽ ra chẳng phải là tánh nước, và ngoài nước ra, cái tánh riêng của dòng nước chắc phải có thể chỉ ra được một cách hiển hiện ! Còn nếu như dòng nước dốc đó tức là cái tánh của nước thì trong lúc đứng trong, lẽ ra nước đứng đó không phải là nước nữa. Còn nếu như cái tánh dòng nước thiết ra ngoài hư-không và nước, thì đã không thể có cái gì ở ngoài hư-không, mà ngoài nước ra cũng không thể có dòng nước. Vậy ông nên biết rằng cái hành-ấm là luống dối, vốn chẳng phải là tánh nhơn-duyên-sanh cũng chẳng phải là tánh tự-nhiên.

(1) *Hành-ấm* là cái ấm của sự chuyển-biến của tâm-niệm ; sự chuyển-biến đó tức như cái luồng tư-tướng, niệm này diệt, niệm khác sanh nối mãi không dứt, quán xuyên với nhau thành ra thấy có sanh diệt thay đổi.

A-Nan, vì như có người lấy cái bình tần-già (1) bịt cả hai miệng bình, rồi vác đầy một bình hư-không đi xa ngàn dặm mà đem cho nước khác, cho biết cái thức-ấm lại cũng như vậy.

A-Nan, cái hư-không đó chẳng phải từ phương kia mà lại chẳng phải đến phương này mà vào. Thiết vậy A-Nan, nếu từ phương kia mà lại thì trong bình đó đã đựng hư-không mà đi, ở chỗ cũ của bình đó lẽ phải thiếu một phần hư-không; nếu đến phương này mà vào thì khi mở miệng trút bình lẽ phải thấy hư-không ra. Vậy ông nên biết cái thức-ấm là lưỡng đối vốn chẳng phải là tánh-phơn-duyên-sanh cũng chẳng phải là tánh-tự-nhiên.

(Còn-nữa)

VIÊN-ÂM

1) Bình tần-già là cái bình có hai lỗ, hình như con chim tần-già



Chơn-Tăng-Già Luận

Tăng-già theo tiếng Phạm là Sangha, nghĩa là quần-chúng, hòa-đồng, nhóm-hợp. Theo đạo Phật thì cần phải đủ cả ba nghĩa quần-chúng, hòa-đồng, nhóm-hợp mới gọi là Tăng-già được.

Quần-chúng là một chúng đông người, ít nữa cũng phải 4 người mới gọi là quần-chúng.

Hòa-đồng có hai nghĩa : Về lý là hòa-đồng tu chứng tánh chơn-như, về sự là giữ phép lục-hòa, thì mới có thể gọi là hòa-đồng được.

Nhóm-hợp là nhóm-hợp với nhau làm một đoàn-thể, không chia rẽ mỗi người một ngã.

Y theo nghĩa như vậy thì một đoàn-thể cư-sĩ hơn 4 người nhóm-hợp một nơi, giữ phép hòa-đồng đặng tu hành Phật-pháp, tự-lợi, lợi-tha thì cũng có thể gọi là Tăng-già. Chính trong các cõi Tịnh-Độ của chư Phật, toàn thể chúng sanh là Tăng-già cả chứ không phân biệt kẻ xuất-gia, người tại-gia, song hiện ở thế-giới Ta-Bà của chúng ta ngày nay, chúng sanh phiền não quá nặng, cư-sĩ không thể tổ chức một đoàn-thể đáng gọi là Tăng-già được, nên cái danh từ Tăng-Già chỉ dành riêng cho đoàn-thể người xuất gia mà thôi.

Người xuất-gia tức là các bậc: Tĩ-Kheo, Tĩ-Kheo-Ni, Thức-Xa-Ma-Na-Ni, Sa-Di, Sa-Di-Ni, đã nương theo luật-nghi nhà Phật mà thể trọn đời xả-ly thân-quyển và xả ly tài sản. Thân-quyển do sự dâm-dục làm căn-bản, tài-sản do sự tham trước làm căn bản, người xuất gia cần phải xả ly mới khỏi các sự ràng buộc của thế-tục. Nhờ có xả-ly như vậy nên hàng xuất-gia ở cõi Ta-Bà mới tổ-chức được đoàn-thể Tăng-Già của đạo Phật.

Hiện nay ở xứ ta đã không mấy người xuất-gia xả-ly tài sản, lại có lắm người không xả-ly được thân quyển nữa, nên khó bề tìm một đoàn-thể xuất gia giữ đủ phép lục-hòa và đáng gọi là Tăng-Già của đạo Phật.

Chính trong các chùa tri-trai giữ giới, chúng ta cũng thường thấy cái chùa hóa thành của riêng vị Trụ-Trì, hoặc hóa thành cơ-sở dưới quyền độc-đoán của vị Trụ-trì; còn các Tăng-chúng khác thì chỉ là người sai khiến vị Trụ-trì muốn nuôi ai thì nuôi, muốn đuổi ai thì đuổi, không cần tập chúng xử đoán; vị Trụ-Trì muốn làm gì thì làm, muốn tiêu chi thì tiêu, không cần tập chúng bàn bạc, thiệt trái với nghĩa lục-hòa của Tăng-Già đạo Phật. Vì cái oai quyền ấy nên vị Trụ-trì trong một chùa muốn chi thì được nấy, dầu muốn làm việc quấy đi nữa hàng Tăng-chúng cũng phải y theo mệnh lệnh không dám cản trở. Tăng-chúng đã phải một mặt phục-tùng mạng-lệnh của vị Trụ-trì thì trừ ông Bồn-Sư của mình, những hàng Tăng-chúng quyết định ít ai vui lòng phục tùng mạng lệnh của một người khác. Vì vậy nên chúng ta thường thấy sau khi một vị Trụ-trì đã tịch và một vị khác lên làm chủ chùa, thì phần nhiều trong Tăng-chúng đều kiếm đường chia rẽ mỗi người mỗi ngả, người nào khôn khéo thì dựng được một cảnh chùa nhỏ nhỏ, người nào vụng về cũng gắng che một cái am tranh để tự mình làm chủ chùa, chớ không mấy ai chịu phục tùng mạng lệnh độc-đoán của vị Trụ-trì mới. Vì sự chia rẽ ấy nên chúng ta thường thấy chỉ trong vùng năm mươi mầu đất đã có đến hai ba cái chùa, mà mỗi chùa chỉ được vài ba ông thầy mà thôi.

Các thầy đã mỗi người mỗi chùa riêng thì ai lo phần nấy, nên thì nhờ hư thì chịu, trên không thầy răn dạy, dưới, không bạn khuyến lơn, thiệt khó bề giữ trọn giới-banхам.

Thấy cái tệ ấy, các vị Đại-Đức trong Sơn-môn đời xưa mới phương tiện tụ tập các ông chủ chùa lại làm một chúng gọi là Chư-quan-sơn-tự-tăng để khuyến khích những kẻ tu hành, trừng trị những người hủy phạm. Song lối tổ-chức như vậy là một việc bất đắc dĩ, vì Tăng-Già đạo Phật cốt phải giữ nghĩa lục-hòa; nếu nhóm gộp mỗi người mỗi ngả làm một Tăng-chúng tam thời, thì thiệt chưa đúng với nghĩa Tăng-Già của đạo Phật.

Tăng-già là một vị trong Tam-bảo, nếu không có một đoàn-thể Tăng-Già chơn-chánh y như luật-nghi của Phật thì tín-đồ còn biết nương dựa vào đâu mà phát lòng qui ngưỡng và những bậc phát tâm tu hành cũng không biết nương vào đâu mà tu học cho rốt ráo. Vậy tín-đồ Phật-giáo từ hàng xuất-gia cho đến kẻ tại-gia ai ai cũng nên gắng công chung sức mà tổ-chức một đoàn-thể Tăng-Già đủ cả ba nghĩa : quần-chúng, hòa-đồng và nhóm-hợp để làm cơ-sở cho sự tu học, và làm cơ-quan cho công việc lợi sanh hoằng-pháp. ✚

Chúng tôi thấy sự lợi ích như vậy nên phô bày ý-kiến về lối tổ-chức một đoàn-thể Tăng-già đạo Phật ngày nay, trông mong các vị Thiện-tri-thức trong nước sẵn lòng hộ-pháp mà chăm chú cho được hoàn-toàn viên-mãn.

LỐI TỔ CHỨC

I. — Qui-tắc

Một Tăng-chúng trừ giới riêng của mỗi mỗi người lại nên có những qui-tắc chung mà ai ai cũng đều tuân theo để giữ nghĩa hòa-đồng và giữ trật-tự trong chúng.

Các qui-điều chia làm 4 hạng :

A. — Qui-Điều tốt nặng (Cực-trọng-điều).

Trong chúng có 4 qui-điều tốt nặng, ai đã phạm đến thì phải tẩn-xuất hẳn ra ngoài chúng, không thể cho nhập-chúng lại nữa. Nếu trong khi tẩn-xuất, người bị tẩn hết sức ăn năn, khóc lóc sám-hối, thì cũng chỉ được lưu vào hàng Dự-nhập mà thôi, chứ không khi nào được cho nhập chúng. Bốn điều tốt nặng là :

1) *Sát thương nhơn mạng*. — Nghĩa là cầm dao, cầm cây, vãn vãn, làm cho người ta chết hay bị thương tích. (Nếu không có ác tâm, vô ý mà hại người thì không phạm).

2) *Hành-dâm*. — Nghĩa là làm việc dâm-dục, hành-dâm cách nào cũng đều phạm cả.

3) *Đại-vọng-ngữ*. — Nghĩa là tự xưng mình chứng đến bậc Thánh khi chưa chứng ngộ.

4) *Bất-dự-thủ*. — Nghĩa là lấy của người ta mà làm của mình khi người ta chưa cho. (Lấy của người ngoài giá từ một đồng (1\$00) trở lên; lấy của Tăng chúng mình giá từ mười đồng (10\$00) trở lên thì phạm về qui-điều tội nặng này.

B. — Qui-điều nặng (trọng-điều).

Qui-điều nặng có 20 điều :

1) *Báng Phật*. — Như nói Phật không phải là bậc vô-thượng-đẳng-chánh-giác, không phải là bậc vô-thượng-lôn, Phật còn mê lầm, hoặc chính mình hay dạy người quy kính Thiên-vương, Thần-thánh của ngoại-đạo.

2) *Báng pháp*. — Nghĩa là không hiểu rõ lý nghĩa trong Tam-tạng, sanh lòng nghi hoặc, không chịu tham-cứu và hỏi han các vị Thiện-tri-thức, lại vội chê là không đúng lý hoặc là mâu-thuẫn.

3) *Báng Tăng*. — Là không tu theo phép giải-thoát của Phật đã dạy trong tam-tạng kinh điển, lại tu theo những lối sai lầm của tà-ma ngoại-đạo.

4) *Hủy-báng ban Trù-tri* và các vị Thượng-Tọa-tăng không phạm qui-tắc.

5) *Hủy báng toàn-thể đại-chúng* không phạm qui-tắc.

6) *Hủy báng cơ-quan hành-chánh* trong nước và nói những lời nói, làm những văn bài hoặc đưa những thơ từ trái với cuộc trị-an trong nước.

7) *Hủy báng qui-tắc của đại-chúng*, hoặc xúi dục trong chúng đừng theo qui-tắc.

8) *Cố ý không vâng lời ban Trù-tri*.

9) *Đánh đập người bậc trên*.

10) *Cầm binh-khí* (dao, gậy vân vân) sát hại những

loài sanh vật (i cứu người khỏi bị sát hại mà làm việc này thì không phạm).

11) Biết rõ người ~~trên~~ chúng phạm qui-điều nặng hay phạm qui-điều tội nặng, cố ý ~~cáo~~ dấu không cử tội trước các vị Trụ-trì.

12) Cáo gian hoặc cáo thêm rằng người trong chúng phạm qui-điều tội nặng khi người ấy không phạm.

13) Bè đảng với những người phạm qui-điều tội nặng mà kiếm kế bảo chữa.

14) Vì lòng dâm mà rờ chạm đến dâm-căn.

15) Tự mình xúc dầu thơm, đánh phấn, đánh sáp, cạo ông mày hoặc cưỡi cột uốn éo khoe khoang sắc đẹp của mình trước mặt đàn-bà.

16) Vì lòng dâm cố ý đụng chạm đàn-bà hoặc nói lời dâm-dăng, dơ nhớp, tục tũ.

17) Đi chơi ban đêm một mình hoặc nhiều người mà không xin phép ban Trụ-trì.

18) Làm mai-dong cho trai gái hoặc đưa thơ từ mà không biết trong ấy nói đến gì (đưa các thơ do nhà Giấy-thếp đem lại thì không phạm).

19) Lấy của trong chúng giá ít hơn mười đồng (10\$00), hoặc của người ngoài ít hơn một đồng (1\$00). (Nếu có người cúng cho Thường-trụ mà giữ riêng phần mình hoặc tiêu riêng việc khác thì cũng phạm về qui-điều này).

20) Phạm các lỗi trong qui-tắc mà không chịu sám-hối. (Những người phạm lỗi không sám-hối, không nhận phạt, không thi hành theo sự trừng phạt đã định, hoặc đánh đập mắng nhiếc người đã cử tội mình, hoặc thù hằn làm thiệt hại cho người cáo tội mình, đều phạm qui-điều này cả).

Những người phạm qui-điều tội nặng và qui-điều nặng đều do ban Trụ-trì hiệp với Tăng-chúng Thượng-tọa mà xét xử. Nếu khi hiệp lại mà chưa đủ 20 người thì phải

lạy thêm trong Tăng-chúng Tịnh-Hạnh cho đủ số. Khi xét thiết có phạm một qui-điều nặng rồi thì phải bắt sám-hối giữa chúng và lạy sám-hối trước bàn Phật, mỗi ngày 30 lạy, trong một tháng. Khi sám-hối rồi, lại phải liệt vào hàng Tăng-chúng dưới hàng mình trong 1 năm, rồi mới trở lại được bậc cũ. Hàng Học-lăng thì trạm lại 1 năm không được ứng-thí tốt-nghiệp.

Nếu trong khoảng 1 tháng, phạm 2 qui-điều nặng, hoặc trong khoảng 6 tháng phạm 4 qui-điều nặng, hay phạm một qui-điều nặng 2 lần thì phải bị tấn-xuất, như phạm một qui-điều tội nặng.

C. — Qui-điều hơi nặng (Sảo-trọng điều)

Qui-điều hơi nặng có 30 điều là :

- 1) Cố ý lấy tay chân giết loài sanh vật.
- 2) Rủ người đàn-bà đồng đi một đường với mình, hoặc cố ý đi theo người đàn-bà.

3) Ngủ đậu nhà người đàn-bà khi trong nhà không có cha, anh hoặc chồng của người ấy.

4) Biết rằng ở một mình trong một phòng hay một chỗ với người đàn bà mà không tránh đi nơi khác liền, hoặc cố ý đứng gần hoặc ngồi gần người đàn bà. (Khi biết có người đàn bà đứng hay ngồi gần ít hơn 1 thước tây thì phải đi tránh, nếu không thì phạm qui-điều này ; khi vì họ đau ốm nguy cấp mà cứu giúp thì không phạm).

5) Nói chuyện riêng với người đàn bà, hoặc nói thầm với người đàn-bà giữa chúng.

6) Khi đương cùng 1 người trong chúng tiếp chuyện với người đàn bà, lại bỏ đi nơi khác, không rủ người ấy đồng đi với mình.

7) Uống rượu hay dùng các thứ độc như thuốc phiện vân vân, có thể làm cho người ta phải say sưa ghiện gập ; hoặc dùng các thứ như trầu, thuốc, đồ cay và nóng, quá độ, đã có bậc trên khuyên bảo mà không chịu giảm bớt.

8) Ban ngày đi ra ngoài, một mình hoặc nhiều người, không xin phép ban Trù-trì.

9) Đánh bài đánh cờ cổ ăn tiền.

10) Nhảy múa ca hát, làm trò làm thuật, hoặc đi coi những điều ấy. (Trừ các cuộc có can thiệp về phước-thiện hay về đạo-lý).

11) Cố ý xa phí của Tăng-chúng. (Khi đi ra ngoài cố ý tiêu rộng, hoặc khi đi mua cố ý mua đắt, hoặc cố ý không giữ gìn đồ dùng của mình, hoặc cố ý phá hoại giấu giếm đồ dùng của Tăng-chúng đều phạm vào qui-điều này cả).

12) Mắng nhiếc các bậc trên mình, hoặc đánh đập các bậc ngang mình trong chúng và các người ngoài.

13) Đánh đập người dưới mà không thôi liền, khi có người khuyên can.

14) Cáo gian hoặc cáo thêm cho người trong chúng đã phạm các qui-điều không phải tội nặng.

15) Kết phe kết đảng riêng trong Tăng-chúng.

16) Giã đau ốm để tránh công việc.

17) Bị sai một việc, cố ý không làm hết bổn-phận.

18) Dèm pha cho hai người hoặc nhiều người trong chúng không bằng lòng nhau.

19) Biết người trong chúng phạm các qui-điều hơi nặng hay qui-điều nhẹ mà cố ý không cử tội trước ban Trù-trì.

20) Cố ý giao-thiệp với những người đã bị tẩn-xuất.

21) Không phải phạm sự mà phẩm-bình chức-vụ trong chúng (nếu không phải đồng làm một việc, không có chức-trách coi ngó dạy bảo mà chê khéo chê vụng, chê hay chê dở khi người bị phẩm-bình không hỏi đến mình, thì phạm qui-điều này).

22) Kê tội lỗi người khác với một người trong chúng hay một người ngoài (Cử tội trước ban Trù-trì là giữ qui-tắc chứ không phải phạm).

23) Không biết nhường kẻ trên mình hay dành chỗ ngồi chỗ nằm với trong chúng, mà có người khuyên can cũng không nghe.

24) Ăn thịt sanh vật hoặc dùng các vị ngũ-lân.

25) Ăn hàng ở ngoài đường khi không đúng giờ ăn.

26) Có người hỏi đạo, cố ý trả lời không đúng đề cho người ta lầm lạc.

27) Bày vẽ cho đàn-việt cúng riêng phần mình.

28) Giữ tiền đề tiêu riêng quá hai cắc (0\$20). (Lệ trong chúng, những tiền của cúng ông thầy đều nộp lại Thường-trú, còn những tiền-của cho cá-nhơn cũng phải gửi cho Thường-trú, đến khi tiêu-dụng phải bạch ban Trù-tri rồi mới được tiêu dụng. Trừ khi phải đi xa hay đi mua vật-hạng, hoặc vì chức-trách đã được ban Trù-tri cho phép thì người nào giữ riêng hơn hai cắc (0\$20) đều phạm qui-điều này).

29) Không được phép ban Trù-tri mà giữ riêng sách vở đồ đạc của mình mua hoặc của kẻ khác cúng.

30) Những tánh nứt xấu đã được nhờ Tăng-chúng khuyên rửa mà không giảm bớt.

Những người phạm các lỗi hơi nặng này đều do ban Trù-tri xử đoán. Nếu vi phạm qui-điều đối với đàn bà, dầu khi thuyết-pháp cho một vị Lữ-Kheo-Ni mà không giữ, thì cũng phạm.

Những qui-điều về ăn uống, khi vì có bệnh, thầy thuốc dạy phải dùng thì được dùng, song phải hòa với đồ đắng, đồ hơi mới không phạm.

Tán tụng nhíp nhân những bài kệ ngợi công đức Phật thì không phạm lỗi.

Lỡ tay dụng chạm người khác hoặc vật khác, không phải cố ý, không có ác tâm thì không phạm lỗi.

Những người phạm qui-điều hơi nặng này phải sám-hối giữa ban Trù-tri và lấy sám-hối trước bàn Phật trong giờ nghỉ của Tăng-chúng mỗi ngày 30 lạy (lạy lúc nào do ban Trù-tri định) đủ 15 ngày thì hết hạn. Nếu trong 15 ngày, phạm một qui-điều hơi

nặng đến 2 lần hoặc phạm các qui-điều hơi nặng đến 4 lần thì phải xử theo qui-điều nặng ; nếu trong thời kỳ ấy phạm một qui-điều hơi nặng đến 4 lần ~~hay phạm các qui-điều hơi nặng đến 8 lần~~ thì phải xử theo qui-điều tội nặng.

D. — Qui-điều nhẹ (khinh-điều)

Qui-điều nhẹ gồm có các điều về khi lễ bái, tu học, khi nằm, khi ngồi, khi đứng, khi đi, cách ăn uống, cách ăn mặc, cách cư-xử, cách nói năng và cách cử-động.

a) Về khi Lễ bái tu học

- 1) Không rất dày dèp khi vào điện Phật.
- 2) Y Phục không tề chỉnh khi lễ bái
- 3) Lạy Phật đầu không sát đất.
- 4) Lạy lộp tộp không có vẽ thành kính.
- 5) Đứng và ngồi không ngay ngắn an ổn, trong khi tụng niệm.
- 6) Tụng niệm gấp gáp cho rồi việc và không chú ý.
- 7) Tụng niệm lộn lạo hoặc pha điệu ca hát.
- 8) Hút thuốc, ăn trầu, ngủ gục trong điện Phật.
- 9) Ngủ gục, nói chuyện, làm ồn khi nghe pháp.
- 10) Bỏ qua những chỗ không hiểu trong khi nghe pháp, không chịu hỏi hăng tham cứu.
- 11) Không tập nhiếp-niệm đoạn trừ phiền-não.
- 12) Không tập chánh-quán đoạn chứng tánh chơn-như.

b) Về khi nằm

1) Không nằm nghiêng bên tay mặt (khi ngủ mê, nằm không đúng cách, có người kêu dậy mà không trở về tay mặt thì phạm lỗi).

2) Không nằm chỗ của mình (Trong chúng người nào nằm cho nào đã có vị Giám-Sự chỉ trước cho, nếu gặp đầu nằm đó, không Phải chỗ thì phạm lỗi).

3) Nằm ngoài giờ nghỉ (giờ nghỉ trong chúng đã có ban Trù-tri định trước, nếu ngoài giờ nghỉ mà nằm thì phạm lỗi, trừ khi đau ốm mỗi mệt được bề trên cho phép. Ngoài giờ ngủ, từ 9 giờ tối đến 4 giờ rưỡi sáng, cả ngày, giờ nghỉ và giờ ăn cơm trong húng không được quá 6 giờ đồng hồ).

4 Chiêm-bao thấy mình phạm tội tội nặng hay tội nặng 'nhớ rõ trong khi chiêm bao thấy việc như vậy thì cần phải tự cáo lỗi với các vị Thượng-Tọa và sám-hối, vì ý-nghiệp không thanh tịnh'.

c) *Về ngồi*

1) Ngồi nghèo đầu nghèo cồ hoặc dựa ngửa, dựa nghiêng (khi đau ốm, khi đi đàng mỗi một thì không phạm).

2) Ngồi không đúng cách ngồi trên đường, trên phản thì phải ngồi kiết già hoặc bán-già; ngồi trên ghế thì được bỏ hai chân thông xuống, song hai chân phải cân phản, không được treo mây, rung đùi; nếu không đúng cách thì phạm qui-điều này.)

d) *Về khi đứng*

1) Đứng nghiêng hẳn một bên hoặc dựa ngửa ra sau.

2) Đứng không đúng cách ông thầy phải đứng ngay thẳng, hai chân cân nhau, nếu đứng chẵn hẳn, đứng treo chân lại, hoặc có một chân thì phạm lỗi, trừ khi đau ốm).

e) *Về khi đi*

1) Đi đánh đồng xa hai tay hoặc đi xang qua xê lại (ông thầy, trong khi đi, đầu không cầm vật gì cũng phải để một tay trước ngực mà đi cho tề chỉnh; nếu đánh đồng xa cả hai tay thì phạm lỗi); 'ông thầy phải đi ngay thẳng nếu đi một bước qua bên tả, bước một bước qua bên hữu, đi loanh quaoanh lẫn quần thì phạm lỗi).

2) Đi không đúng cách (ông thầy phải đi cho khoan-thai, đi một bên đường, con mắt ngó dưới đất trước mặt mình chừng ba, bốn thước, nếu đi đúng hóp tộp, mắt ngó dón dác, ngánh mặt lên trời mà đi thì phạm lỗi, trừ khi phải đi ngang qua đường cái, hoặc phải đi trong một chõ rất đông đảo, hoặc vì trường-hợp khác chớ không cố ý).

f) *Về cách ăn uống*

1) Ăn khi chưa « xuất-sanh ».

2) Khởi sự ăn trước khi tập-chúng.

3) Ăn riêng phần mình, không chia cân trong chúng, (nếu món ăn nào chia không đủ thì phải để riêng cho những người nhỏ tuổi).

4) Ăn miếng to, búng cả miếng, hoặc nhai chấp òn ào.

- 5) Nói chuyện khạc, nhổ, trong khi đương ăn cơm.
- 6) Ho và nhảy mũi trong khi ăn cơm mà không che miệng hoặc không cúi mặt xuống dưới bàn.
- 7) Lựa món mà ăn hoặc binh-phẩm ngon dở (dầu người chuyên trách cũng không được binh-phẩm trong khi đang ăn).
- 8) Bỏ đồ ăn thừa của mình vào các món ăn chung.
- 9) Ăn quá gấp đến nỗi phải đồ tháo.
- 10) Ăn không phải thời (trong chúng từ hàng Cần - hạnh - tăng sắp xuống thì một ngày được ăn ba bữa, một bữa cơm khi 6 giờ sáng, một bữa cơm khi 12 giờ trưa và một bữa cháo khi 5 giờ tối, từ hàng Tịnh-hạnh-tăng trở lên thì mỗi ngày chỉ được ăn 2 bữa cơm, một bữa khi 6 giờ sáng, một bữa khi 12 giờ trưa. Nếu không phải đại ố mà ăn thêm ra ngoài các bữa ấy thì phạm lỗi. Khi đi ra ngoài, nếu có đàn-việt cúng dường thì tùy hảo ý của họ, nhưng cũng không nên ăn quá ba bữa; nếu tự mình sắm đồ ăn thì phải theo lệ trong chúng).

i) Về cách ăn mặc

- 1) Ăn mặc trái với từng bậc của mình (trừ khi đăng đàn thuyết-pháp, khi dự các đại lễ phải mặc lễ phục cho trang nghiêm, ở trong chúng thì toàn dùng đồ hoại sắc, nhứt là không được dùng đồ tơ lụa. Thượng Tọa-Tăng và Tịnh - Hạnh - tăng thì dùng áo tràng màu nâu thực đậm và y màu nâu đậm. Cần-hạnh - tăng và Tập-hạnh-tăng thì mặc áo dài màu nâu đậm và y như màu nâu lột. Dự-tập-tăng và dự-học-tăng thì mặc áo nhật bình màu mực đậm và y màu mực lột. Lễ phục thì được dùng tơ lụa và đồ thể-sắc, song về y thì điều số cũng phải theo từng bậc của mình, nếu trái thì phạm lỗi, trừ khi thể chức).
- 2) Mặc áo cụt giữa chúng (khi tắm rửa, khi thay áo thì không phạm giới; ngoài ra đầu trong khi ngủ, mặc áo cụt cũng phạm lỗi).
- 3) Trùm khăn, choàng cồ hoặc dùng các y phục của thế-tục (trừ khi đau ốm).
- 4) Dùng giày lưng màu hoặc dùng dây guốc kiểu đẹp (khi có người cúng thì phải để dành cho các bậc lớn tuổi).

3) Dùng riêng đồ tốt hoặc giữ nhiều đồ quá lệ trong chúng (lễ chực tốt thì phải để riêng cho các bậc Thượng-tọa, đồ mặc ẩm phi phải để cho các bậc già cả; đồ thì phải cúng cho tăng-thúng, chứ không được lạm dụng).

j) Về cách cư-xử

- 1) Tự tiện nhóm lửa để hơ sưởi, khi không có bệnh.
- 2) Sai kẻ khác múc nước tắm rửa hoặc sai giặt áo quần, trừ khi có đặt người chuyên trách.
- 3) Đề nghinh ngang những đồ đã dùng, hoặc xả nhóp mà không tự dọn dẹp.
- 4) Không xin phép mà tắm rửa, thay quần áo, cạo râu, cạo tóc v.v..., ngoài lệ của chúng.
- 5) Không tề tựu ngay, 5 phút sau khi nghe hiệu lệnh, trong các giờ tham-thiền, niệm Phật, học-hành, làm việc.
- 6) Không đại-tiện, tiểu-tiện trong nhà-xí hoặc khi ấy không ngồi xuống. †
- 7) Đến giờ trong chúng thức dậy, đã có người kêu ba lần mà không dậy (lệ trong chúng 4 giờ rưỡi thì phải dậy, nếu có người kêu gọi mà không dậy thì bị lỗi, trừ khi đau ốm.)
- 8) Thấy người ngũ trưa mà không dậy kêu.
- 9) Làm ồn trong khi chúng đương nghỉ (trừ khi mới ngủ).

k) Về cách nói năng

- 1) Nói ba lơ, giọng hớt.
- 2) Khi rằng he, cãi lẽ, nói quá to tiếng.
- 3) Chửi mắng bậc ngang mình hay bậc dưới mình trong chúng hoặc chửi mắng người ngoài.
- 4) Nói chọc tức người khác.
- 5) Nhái tiếng người khác.
- 6) Đã sai lầm còn cưỡng lý nói bậy.
- 7) Nói những sự không chắc là thiệt.
- 8) Nói gấp gáp, nói hớt, nói leò, nói những điều không có lợi ích cho kẻ khác hoặc dấu giếm trong khi bố-tát.

Đi Về cách cử-dộng

- 1) Gặp người tật bệnh cấp mà không giúp đỡ (người ấy đâu là dân-bà cũng phải giúp đỡ).
- 2) Đánh cờ đánh bài không ăn tiền.
- 3) Dơ tay múa ngón, nhảy nhót uốn éo.
- 4) Chọc lắc nhau, hoặc chơi đấm chơi cú.
- 5) Vào nhà người ta trong giờ ngủ hoặc trong lúc không người, trừ khi đã hẹn trước.
- 6) Thấy cửa đóng, không gõ cửa, lên tiếng, đã mở cửa vào càn.
- 7) Vào nhà người, khi người ta chưa mời đã vọt lên ngồi chỗ cao vắn giữa.
- 8) Gởi thơ từ và tiếp thơ từ riêng, không trình ban Trù-tri biết.
- 9) Ăn một bàn, ngồi một vắn với người dân-bà (khi có cả người chồng ngồi ăn nữa thì không phạm).
- 10) Cử động trái với phép lịch-sự thông-thường hoặc trái với thể lệ của chúng.

Những người phạm lỗi nhẹ đều do ban Trù-tri xét xử hoặc bắt sám-hối trước ban Trù-tri hoặc phải lạy sám-hối trước ban Phật mỗi ngày 30 lạy, từ 1 đến 10 ngày. Lỗi nhẹ này hễ đã sám-hối thì hết, song nếu nhiều lần phạm mãi một lỗi (ví dụ như trong 1 tháng phạm đến 15 lần) thì phải xử theo qui-điều hơi nặng số 30).

CHÁU-HAI (còn nữa)

Kính cáo độc-giả

Kể từ ngày này sắp sau, ngài nào mua hoặc trả tiền Viên-Âm năm thứ ba, nghĩa là từ số 25 trở lên, xin gởi thơ và mandat về cho ông HOÀNG-XUÂN-BA, thư-ký tòa Kho-bạc Hué. (Secrétaire Principal de la Trésorerie à Hué).

Còn ngài nào mua hoặc trả tiền nguyệt - san năm thứ nhất và năm thứ hai, (từ số 1 đến số 24) xin cứ gởi cho ông LÊ-ĐÌNH-THẨM Médecin du Cadre Latéral Hué, xin đều theo botte postale n° 73 để tiện bề nhận lãnh.

VIÊN-ÂM

Tiêu-tức

Lễ Khánh-thành chùa Chi-hội Đà-Nẵng (Tourane) của An-Nam Phật-Học-Hội

Chi-hội Đà-Nẵng thành-lập đến nay đã được hai năm. Tuy chính ở Đà-thành đã có một Hội khác là Đà-thành Phật-Học-Hội tại chùa Phổ-Thiên, mà công việc của Chi-Hội vẫn tiến-hành rất mau chóng, nên hiện nay đã lập rồi chùa Hội-quán. Về chùa Hội-quán của Chi-hội, tất cả Hội-viên nam nữ ai nấy đều hết lòng giúp đỡ công người của, nên không bao lâu đã thành-lập được một ngôi chùa rất nguy nga đồ sộ. Kiểu ngôi chùa ấy do một vị kiến-trúc-sư rất tài giỏi là ông Đặng-cao-Đệ phát-tâm làm giùm, nên có vẻ mỹ-thuật và tráng-lệ lắm. Trong chùa thờ một ngôi tượng Phật do ông Lê-viết-Triết phát-tâm bồi tạo theo kiểu Ấn-Độ rất nghiêm chỉnh. Cửa Tam-quan của chùa dựng theo kiểu Nhật-Bổn ngó ra con đường Sabiela, một con đường rất rộng rãi ở Đà-thành.

Ngày 12 tháng 11 năm Bảo Đại thứ 11, Chi-Hội làm lễ, Khánh-thành ngôi chùa ấy. Các ngài Chứng-Minh Đại-Đạo-Sư, các Học-sinh trường Đại Học, Trung-Học, Tiểu-Học của An-Nam Phật-Học-Hội đồng vào làm lễ. Ban Trị-Sự cùng các hội-viên Trung-uơng và các Đại-biểu Chi-hội khác, nhưn dịp ngày nghỉ đến dự lễ cũng khá đông. Lễ Khánh-thành của Chi-hội rất long trọng và trang-nghiêm, công việc xếp đặt rất chỉnh tề và chu đáo đã làm cho cả thành phố Tourane đều phải đề ý.

Sáng ngày 11, trước khi cử hành lễ Khánh-thành, các ngài Chứng-Minh-Dại-Đạo-Sư và học-sanh các trường đã vào Đà-Nẵng và tạm trú nơi nhà thầy Lương-Tế-Công, một vị A-Xà-Lê người Tàu, về phái Đông-Mật. Vừa 1 giờ chiều, ban Trị-Sự Chi-hội và hội-viên đến nhà ông Tế Công đề thỉnh ngài GIÁC-NHIÊN nhậm chức Trụ-Trì chùa Chi-Hội. Khi ban Trị-Sự làm lễ thỉnh xong rồi thì ban Trị-Sự rước ngài Trụ-Trì mới lên

xe về chùa. Trước ngài Trù-Trì có rước một bàn hương-án vọng Phật, theo sau thì có học-sinh các trường Đại-học, Trung-học, Tiểu-học và các Hội-viên. Đạo rước đi từ nhà ông Tế-Công đến chùa Chi-Hội hơn một cây số xem rất tề chỉnh. Khi đi qua các phố, thỉnh thoảng lại nghe pháo nổ chào mừng ngài Trù-Trì mới.

Cử hành lễ Khánh-thành

Ngày 12 tháng 11 đúng 6 giờ mai, các ngài Chứng-Minh Đê-Đạo-Sư, các học-sinh Đại-học, Trung-học, và Tiểu-học cùng các Hội-viên đồng tề tựu tại chùa Chi-hội mà làm lễ an-vị. Sau khi ngài GIÁC-NHIÊN niệm hương và các ngài Chứng-Minh lễ Phật thì học-sinh các trường đồng thanh tán tụng công-đức Phật và niệm chú Phổ-Am hơn một giờ đồng hồ. Kế hội-viên đồng thanh niệm Phật cho đến gần 9 giờ. Khi ấy thầy Thích-Đôn-Hậu, học-sanh trường Đại học đang đàn giảng « Phật thuyết A-Di-Đà kinh » lý nghĩa rạch ròi, lời lẽ phân minh, thính-giả trên 500 người ai nấy đều lắng lắng nghe pháp một cách rất chăm chỉ và thành kính.

12 giờ trưa, cụ Hiệp Ưng-Tướng Công Đại-diện Cụ Chánh-Hội-trưởng dẫn các ban viên Trị sự và nam nữ Hội-viên của Hội trung-ương cùng các Đại-biêu của các Chi-hội đồng đến chùa làm lễ Phật. Lễ này có các ngài Chứng-Minh niệm hương và các học-sanh tán tụng rất là tề chỉnh. Lễ xong, Cụ Hiệp Tôn-Nhơn và ông Chi-Hội-trưởng ở Đà-nẵng giới-thiệu Hội-viên cho biết nhau; hội-viên kẻ nam người bắc, mỗi người mỗi tỉnh mà mới gặp nhau đã như người một nhà không một chút khách-khí, thiết là một sự liên lạc thân thiện ít có trong đoàn-thể tín-dồ Phật-giáo nước nhà. Từ đó hội-viên luân phiên nhau niệm Phật không ngớt. Đến 6 giờ tối, các vị Danh Dự Hội-viên Tể, Nam của Chi hội, các vị Tăng-già trong bản tỉnh, các vị Chứng-Minh của Đà-Thành Phật-Học-Hội và các thiện nam tín-nữ ở Đà-Thành đồng lần lượt đến dự lễ. Sự tiếp rước, nhờ đạo-tâm của hội-viên Chi-hội, rất có trật-tự và rất ôn tồn làm cho ai nấy cũng phải khen ngợi.

Đến 8 giờ, quan Đốc-lý Đà-Nẵng và quan Công-Sứ Quảng-nam đến. Khi các ngài Chứng-Minh làm lễ xong, ra rạp tiếp các quan khách, thì ông Lê-quang-Ngoạn, Phó Chi-Hội-trưởng, bước ra chào công chúng rồi đọc bài diễn-văn chữ Hán. Kế đến ông Nguyễn-bá-Duy, Phó-Chi-Hội-trưởng, đọc bài diễn-văn bằng quốc-âm (xin xem nguyên-văn ở trước). Hai ông đều đọc một cách rất khoan thai và rõ ràng làm cho ai nấy đều phải khâm-phục. Hai ông đọc xong rồi, quan Đốc-lý đứng dậy đáp lại bằng ít lời rất mật thiết và chúc cho Hội ngày càng phát đạt để làm việc lợi ích cho quần chúng. Kế đến học-sanh trường Tiểu-học đáp y cảm phan sấp hàng trước bàn Phật tán các bài theo điệu xưa rất êm đềm và rất nghiêm chỉnh để cầu nguyện cho thính chúng kiên-cố Bồ-Đề tâm mà làm Phật-sư. Tiếp đến 50 đồng-nam đồng nữ mặc áo mũ, tay cầm lư trầm và bó hoa đến trước bàn Phật hát các bài chúc tụng theo những điệu rất thanh tao, điệu hát dịu dàng đậm thắm, tiếng hát trong trẻo nhịp nhàng, khi như có vẻ tha thiết cầu xin đức Từ phụ, cứu độ chúng-sanh, khi như có vẻ mạnh mẽ đứng ra hộ-trì Phật-pháp, làm cho các thính-giả đều phải cảm-động.

9 giờ rưỡi, ông Lý-xuân-Hoà giảng về mục-dịch của Hội, đại-ý nói trong buổi Pháp nhuộc ma cường, các nhà chơn-chánh-Phật-tử cần phải liên hiệp cùng nhau chung lòng chung sức mới có thể đạt đến mục-dịch lợi-sanh hoằng-pháp. Kế đến ông Ưng-Dự giảng về thập-thiện, đại-ý muốn khuyên ai nấy cần phải lấy sự hành-thiện làm bước tối tiên trong đường Bồ-Đề.

Ngày 13, khi 8 giờ, thầy Thiện-Trí, học-sanh trường Đại-học giảng về vấn-đề « lý khổ đặc lạc », đại-ý nói người ở đời cần phải biết thế nào là khổ, thế nào là nguồn gốc của các sự khổ dạng dứt trừ nguồn gốc ấy và hưởng được cái vui chơn chánh trong đường giải-thoát.

10 giờ, ngài GIÁC-NHIÊN, Chứng-Minh Đại-Đạo-Sư, làm lễ qui-y cho các nhà thiện-tín. Lễ xong, thầy Thích-Chánh-Thống, học-sanh trường Đại-Học giảng về Tam-Quy ngũ-giới đề cho các thiện-tín mới qui-y nhận biết cái bước tối tiên trong đường tu học Phật-pháp. Ba giờ chiều, ông Lê-đình-Thám giảng về « Lối tu học Phật-pháp » chia bước đường tu học làm bốn phần :

- 1) Có tướng và không tu = Phàm phu
- 2) Có tướng mà tu. = Người học đạo.
- 3) Không tướng mà tu. = Các bậc Tam-thừa Thánh-nhơn chưa
nhiệm Chánh định tu.

4) Không tướng và không tu = Phật và các vị Pháp thân Bồ-tát.

Kể đến bà Ni-Cô Diệu-Viên giảng về Phương pháp tu hành thích hợp với phái phụ nữ, mục-đích cốt khuyên phái phụ-nữ thiếp-hành niệm Phật.

7 giờ tối cử hành lễ Chấn-tế, do thầy Trì-Trì chùa Viên Thông ngồi gia-trì, có các ngài Chứng-Minh hộ-niệm. Khi hạ đàn đã 12 giờ.

Công việc của An-Nam Phật-Học-Hội không biết đến đâu là cùng song sự lập chùa Chi-Hội này cũng là một công việc quan trọng, trong các công việc khác; nay chùa Chi-hội đã làm xong, lễ khánh-thành được viên mãn, thiết là một việc đáng ghi chép trong lịch-sử của An-Nam Phật-Học-Hội. Chùa này là một cơ-quan lợi-sanh hoàng-pháp, công đức của các vị Thiện-tín chung lo giúp đỡ làm ngôi chùa này chẳng những là công đức tài - thí mà cũng là công đức pháp-thí nữa, thiết đả vô biên vô lượng. Đáp lại công đức ấy chúng tôi xin một lòng đồng niệm: Nam-mô Hộ-pháp Bồ-tát Ma-ha-Tát

PHẬT-HỌC-HỘI



**LƯỢC SỬ CỦA NGÀI GIÁC - TIỀN HÒA-
THƯỢNG, CHỨNG-MINH ĐẠI-ĐẠO-SƯ CỦA
ANNAM - HẠT - HỌC - HỘI**



Thầy Chứng-Minh của Hội chúng tôi là người làng Gia-Lê Thượng, huyện Hương-Thủy, phủ Thừa-Thiên; thầy sanh về nhà họ Nguyễn trong năm Canh-thìn là năm Tự-Đức tam thập tam niên (1880). Song thân của thầy mất sớm, thầy xuất gia khi 15 tuổi, làm đệ-tử ngài Tâm-Tĩnh Hòa-Thượng ở chùa Từ-Hiếu. Thầy bồn-tánh thông-minh, tập học kinh luật rất mau chóng, được ngài Tâm-Tĩnh biệt đãi; đến năm Thành-Thái thập nhị thì thầy được ngài Bồn-sư thế

độ làm Sa-Di, khi ấy thầy được 21 tuổi. Ba năm về sau, ngài Tâm-Tĩnh nhường chùa Từ-Hiếu cho bản phái, dựng am Thiểu-lâm nơi chùa Tây-Thiên bảy giờ. Đến năm Duy - Tân tứ niên, ngài Vĩnh-Gia Hòa-Thượng khai giới đàn tại chùa Phúc - làm thì thầy đến xin thọ cụ túc giới, được lựa làm vị Thủ-chúng trong các hàng thọ-giới. Lúc đó bà Tử-Kheo Ni pháp-hiệu là Diên - Trường dựng chùa Trúc-Lâm và xin ngài Tâm - Tĩnh cho thỉnh thầy làm Thượng Tọa chùa ấy. Từ đó thầy ở chùa Trúc-Lâm thấu nạp đồ chúng đang dạy về tu tập; đến năm Khâi-Định nguyên niên, năm ấy thầy đã 37 tuổi, thì được ngài Tâm-Tĩnh Hòa-Thượng phú pháp và cho bài kệ rằng :

Giác đạo kiếp không tiền,
Không không bất nhả-thuyền,
Quả nhơn phù hạnh giải,
Xứ xứ tức an nhiên.

Năm Khâi-Định ngũ niên, ngài Huệ-Pháp chùa Thiên - Hưng khai giảng-đường chỉ dạy kinh điển, thầy cùng các đệ-tử đồng đến tham-học, đã được ngài Huệ-Pháp nhận là một bậc túc-cần thâm-hậu, đủ sức xiềng dương Phật-Pháp cho kẻ hậu-tấn.

Thầy bát lâm quần kinh quán thông giáo-lý, nhưng vẫn thiết-hành chỉ nguyện « Pháp-môn vô lượng thế nguyên học »; không một đạo trường nào giảng kinh mà không có thầy đến tham dự. Đối với công việc hoằng-pháp thầy vẫn cực lực thừa đương không lúc nào thôi thác. Vì vậy nên các đệ tử của thầy toàn là những bậc học rộng biết nhiều, ngoài ông Thích Mật Khế là một vị Giảng - sư của Hội chúng tôi rất có danh tiếng lại còn những ông Thích-Mật-Hiền, Thích-mật-Nguyên, Thích-Mật Thê, đều là những bậc thông hiểu giáo-lý, có thể trụ-trì Phật-pháp sau này.

Đến năm Bảo-Đại nguyên niên, thầy được chỉ chuẩn làm Trụ-Tri chùa Diệu-Đế; đến Bảo Đại ngũ niên thầy thân hành vào tỉnh Bình-Định rước thầy Phúc-Huệ Hòa-Thượng (một vị Chứng - Minh Đại-Đạo-Sư của Annam Phật-Học-Hội), mở Phật - Học - đường tại chùa Trúc-Lâm để tiếp dẫn các người hậu-tấn. Đến năm Bảo - Đại thất niên, thầy thấy cơ duyên đã thành thực nên hiệp đồng với các

vị Đại-đức trong Sơn-Môn và các cư-sĩ lập thành Annam Phật-Học-Hội để tuyên truyền Phật pháp. Đối với công việc hoằng-pháp của Hội, Thầy là một vị đặc đường chỉ nẻo rất cao, đảo, phần nhiều các hàng học-tăng, các hàng cư-sĩ mong hiền Phật - pháp trong An-Nam Phật Học Hội chúng tôi đều có nhờ công đức thầy đào tạo cả.

Đầu năm Bảo-Đại thập niên, thầy cùng ông Thích-Mật - Khế mở ra lớp Tiểu-học-đường của Annam Phật-Học-Hội, đến cuối năm ấy thầy lại chiêu tập các học tăng thanh niên mở ra lớp Đại-Học-Đường.

Năm Bảo-Đại thứ 11, ngày mồng hai tháng mười buổi sớm, thầy tập các đệ-tử giảng kinh Bảo-Dàn và phú pháp cho; trưa hôm ấy thi bổn dụng thầy đau nặng, đến ngày mồng 4 thì viên - tịch; tuổi mới 57.

Toàn-thể Annam Phật Học Hội chúng tôi nghe tin ấy như mất huệ nhứt trong lúc tối tăm, rất lấy làm cảm động và thương tiếc. Học sanh các trường niệm công đức thầy đồng luân phiên niệm Phật tụng kinh cả ngày cả đêm cho đến khi nhập-tháp. Ngày mồng 3, lúc hai giờ chiều thì làm lễ tẩn-liệm ngày mồng chín, lúc ba giờ chiều thì làm lễ tổng-táng, có các Cụ Danh-dự, các thầy chứng-minh, các vị Đại-đức trong chư-sơn, các học-tăng và các hội viên đồng đến dự lễ rất đông đảo, tiếng niệm Phật vang lừng cả núi làm cho ai ai cũng phai phát tâm. Trong lúc nhập tháp, vị thầy lãnh chức Chánh-giám-đốc trường Tiểu-học, nên một học-tăng trường ấy đọc một bài văn văn rất chơn-thành và rất bi-thiết như một bầy con đờng nhỏ dại đối với một vị Từ-phụ. Trong dịp này, các Hội-Phật ở ba kỳ đều có tỏ lòng thương tiếc hoặc đến diếu-tang, hoặc làm lễ hộ niệm.

Đối với thanh-tình của các Hội đồng-chí, chúng tôi chỉ xiết bùi ngùi cảm-tạ.

Khi được tin ngài GIÁC-THIỆN thị tịch, Cụ Hội-trưởng Bắc-Rỳ Phật-Giáo-Hội có đánh giấy thép chia buồn, lại Hội làm một tuần lễ trợ niệm vãng-sanh tại chùa Hội-quán và có ủy Sư-cụ Trần-thanh-luyện, Cổ-Văn đạo-sư, cùng Sư-ông Tổ-Liên, Đại-diện Hội Phật-giáo vào Huế làm lễ diếu-tang; Hội có đi một câu đối như vầy:

« Văn nạp bắc lai, đàm luận di tuần khâm giác chỉ,
Trúc-Lâm nam vọng, vắng sanh hà xứ mịch tiên tung »

Lưỡng-Xuyên Phật-Học-Hội được tin liền đánh giầy
thếp chia buồn và làm lễ cầu-nguyện tại chùa Hội-
quán. Hội lại có gởi cho pháp-tự ngài Giác-tiên số bạc
25\$00 để điều tang.

Tinh-Độ Cư-Sĩ Phật-Hội ở Cholon hay tin có đánh giầy
thếp chia buồn và làm lễ cầu-nguyện long trọng tại chùa
Tân-Hưng-Long.

Nam-Kỳ Nghiên-Cứu Phật-Học-Hội, Lưỡng-Xuyên Phật-
Giáo Liên-Hữu-Hội đều có thơ chia buồn và tỏ lời cầu-
nguyện cho ngài Đại-Đạo-Sư vắng sanh Cực-lạc thế-giới.

Thiên-Thất-Thiền-Giáo-Tòng Liên-Hữu-Hội ở Bària có gởi
thơ chia buồn và định đến ngày khai trường Đại-học sẽ
làm lễ một đêm để cầu nguyện vắng sanh Cực-lạc.

Thay mặt cho Đà-Nẵng Phật-Học-Hội, ngài Chứng-Minh
Đạo-Sư, Trụ-Trì chùa Phổ-Thiên, ra đi điều một bức trường.

Đà-Nẵng Chi-Hội của An-Nam Phật-Học-Hội đi điều hai
bức phan thêu chữ: Nam-mô Cực-lạc thế-giới A-Di-Đà
Phật.

Chi-Hội ở Đồng-Hới, ở Hội-An, ở Quy-hơn đều có phái
đại-biểu về dự lễ tống-táng và thiết-lễ cầu-nguyện tại Chi-
hội-quán.

Trong rạp, trường liên của các vị Danh-Dự, của các
Chư-Sơn Đại-đức, của Hội An-Nam Phật-Học, của các
Chi-hội, của các Phật-Học-đường và của các Hội-viên rất
nhiều, xin lược kể ít câu như sau này :

Trúc-Lâm không quai tam canh nguyệt
Diệu-Đế tri văn ngũ dạ chung.

Chư-Sơn tỉnh Phú-Yên

Pháp vũ bản thi, uất uất đàn lâm vô tạp thọ
Cảnh phong phiêu động, mang mang nghiệp hải
thiều từ hàn.

Này Trù-Trì chùa Viên-Thông

Viên-Âm xứng tánh thân thừa nhật

Diệu pháp tùy duyên quảng thuyết thời.

Viên-Âm nguyệt-san

Lễ tổng táng xong, bốn-đạo và các hội-viên đồng chung nhau lập tháp của thầy Đại-Đạo-Sư trong khuôn vườn chùa Trúc-Lâm. An-Nam Phật-Học-Hội sẽ dựng một cái bia đề ghi chép công đức của thầy đối với các công việc lợi sanh hoằng-pháp.

Công-đức chấn-bưng Phật-Học của ngài GIÁC-TIỀN Đại-Đạo-Sư, HỘI An-Nam Phật-Học chúng tôi rất vĩ-đại; đáp lại công đức ấy, chúng tôi chỉ biết thành tâm cầu nguyện thầy chúng tôi mau đăng Phật thọ-ký để hóa-độ tất cả chúng-sanh đồng thành Phật-đạo.

AN-NAM PHẬT-HỌC-HỘI



Kính cáo độc giả

Kỳ này vì nhiều bài, nên không thể đăng phương-danh các độc-giã đã trả tiền, vậy xin để đăng vào kỳ sau.

VIÊN - ÂM

Biên-bản đại-hội-đồng ngày 24 Janvier 1937 khi 3 giờ chiều

Ngày 24 tháng giêng năm một ngàn chín trăm ba mươi bảy khi 3 giờ chiều, các hội-viên của An-Nam Phật-Học-Hội theo tờ thông-cáo ngày 9 Janvier 1937, đồng nhóm Đại-Hội-đồng tại chùa Từ Quang, hội-quán tạm-thời của Hội, có Cụ Chánh-Liêm-Phóng, Danh-Dự Hội-trưởng làm chủ-tọa.

Hiện-diện :

Ban Danh-Dự

Cụ Chánh-liêm-Phóng Sogny	Tướng-công,	Hội-trưởng
Cụ Hiệp-tá Tri-sĩ Nguyễn-Đình-Tướng-Công,		Hội-viên
Cụ Hiệp-tá Tri-sĩ Ung-tướng-Công,		Hội-viên,
Cụ Phủ-Doãn Nguyễn-tướng-Công,		Hội-viên,

Ban Chứng-Minh

Ngài Tăng-Cang chùa Bảo-Quốc,

Ngài Trù-Tri chùa Túy-Ba,

id Tường-Vân,

id Vạn-Phúc,

id Từ-Quang,

id Quốc-Ấn.

Hội-Viên trong ban Trị sự :

Cụ Hiệp-Ta tri-sĩ Nguyễn-khoa-Tướng-Công,

Cụ » Nguyễn-Đình Tướng công,

Cụ » Ung Tướng-Công,

Cụ Thượng-Lê-Nhữ Tướng công,

Ông Lê-đình-Thám,

Ông Lê văn Lộc

Ông Lê-quang-Thiết

Ông Hoàng-kim-Đài

Ông Hoàng-xuân-Ba

Ông Lê-đình-Lạc

Ông Bửu-Bác

Ông Nguyễn-công-Tích

Ông Phạm quang Thiện

Ông Ung Dự

Ông Lê-thanh-Cảnh

và 79 nam nữ Hội viên

Nhật-dịnh. — I) *Lễ Phật,*

II) *Đọc tờ niên-đề,*

III) *Bầu-Cử ban Trị-sự,*

IV) *Bầu cử một ban chuyên lo việc làm chùa của Hội.*

V) *Bầu cử các vị Chứng-Minh Đạo-Sư,*

VI) *Về ban Chứng-Minh Đại-Đạo-Sư,*

VII) *Về Viên-Âm nguyệt-san,*

VIII) *Về sự thay đổi các khoản trong điều-lệ,*

IX) *Về-việc linh tinh.*

I) *Lễ Phật.* — Hội-viên tề tựu đã đủ số, nhưn Cu Chán h Hội-trưởng cảm mạo xin kiếu, Cụ Lê-Nhữ-Lâm. Phó-Hội-trưởng thay mặt khai-mạc Đại-Hội-đồng và mời các Hội-viên hiện d ệu đồng làm lễ trước bàn Phật sau khi các vị Chứng-Minh đã niệm-nhang và khuyên hội-viên đồng thanh cầu nguyện về việc lập chùa Hội-quán.

Lễ xong, Cu Nguyễn-đình Tường-Công thay mặt ban Trị Sự cảm ơn Cụ Danh-Dự Hội-trưởng SOGNY Tường-Công đã thường tỏ lòng sốt sắng rất qui hóa đối với hội. Cụ lại cảm ơn Cu Phú-Doãn, Danh-Dự hội-viên đã sắng lòng quang cố đến Hội trong buổi Đại-hội-đồng.

II) *Đọc tờ niên-đề.* — Ông Thư-ký Lê-quang-Thiết đọc tờ niên-đề, Đại-hội-đồng đều vỗ tay y đoán, trong lúc đọc niên-đề khi kê danh-sách các vị hội-viên từ-trần trong năm, thì Đại-hội-đồng đều lặng yên mặt niệm trong hai phút đồng hồ để tỏ tình thương tiếc.

III) *Bầu cử ban Trị-Sự.* — Đại-hội-đồng bắt đầu bầu-cử ban Trị-sự.

1) *Cử Chánh-hội-trưởng.*

Sau khi nghe đọc thơ của Cụ Cựu-Hội-trưởng Nguyễn-Khoa-Tướng-công xin Đại-hội-đồng thôi chức Hội-trưởng vì thường hay binh hoạn, thì Đại-hội-đồng khởi sự bầu cử.

Số hội-viên bầu-cử 94

36 phiếu. . . . 24

Cụ Nguyễn-dinh Tường-Công được 91 phiếu,
Cụ Ung-Tướng-Công được. 3 phiếu.
Đại-Hội-đồng đồng ~~thay~~ tay mừng Cụ Chánh-Hội-trưởng
mới là cụ Nguyễn-dinh Tường-Công.

2) Bầu cử hai chức Cố-vấn.

a) Đề nhất Cố-vấn.

Số phiếu : 94

Cụ Hiệp-Tả Nguyễn-khoa Tường-Công được. 85 phiếu
Cụ Thượng Nguyễn-Khoa Tường-Công được. . 9 phiếu
Cụ Hiệp-Tả Nguyễn-Khoa-Tường-Công được cử làm đệ-
nhất Cố-vấn.

b) Đề nhị Cố-vấn.

Số phiếu : 94

Cụ Hiệp Ung-Tướng-Công 80 phiếu,
Cụ Thượng-Nguyễn-Khoa-Tường-Công 14 phiếu.
Cụ Hiệp Ung-Tướng-Công được cử làm đệ-nhị Cố-vấn.

3) Bầu cử hai vị Phó-Hội-trưởng.

Cụ Chánh-Hội-trưởng Nguyễn-dinh-Tường-Công bàn nên
lưu chức hai vị Phó Hội-trưởng cũ. Ông Lê-dinh-Thám,
ông Lê-quang-Thiết xin Đại-Hội-đồng chú ý rằng trong
nhật định có nói rằng năm nay phải bầu cử một ban ba
ngài để chuyên về việc làm chùa Hội, và xin Đại-hội-đồng
để riêng các ngài mà đại-hội-đồng muốn cử vào ban ấy
đừng cho lãnh các chức-trách nặng nề trong ban Trí-Sự
đề đủ thì giờ mà lo việc làm chùa.

Hội-đồng bầu-cử :

a) Đề nhất Phó-hội-trưởng.

Số phiếu 94

Cụ Thượng Lê-Nhữ Tường-Công được. . . 90 phiếu,
Ông Lê-dinh-Thám được. 4 phiếu.
Cụ Thượng Sứ-Quân Lê-Nhữ Tường-Công được cử làm
đệ nhất Phó-Hội-trưởng.

b) Đề nghị Phó-Hội-trưởng.

Ông Trương-Xương được	74 phiếu,
Ông Lê-dình-Thám được	20 phiếu.
Ông Trương-Xương được cử làm đề nghị Phó-Hội-trưởng.	

4) Bầu-cử Thơ-Ký.

Số phiếu : 94

Ông Tôn-thất-Tùng được	77 phiếu
Ông Lê-quang-Thiết được	17 phiếu
Ông Tôn-thất-Tùng được cử làm Chánh-Thơ-ký,	

5) Bầu cử Phó-Thơ-Ký.

Số phiếu : 94

Ông Hoàng-xuân-Ba được	79 phiếu,
Ông Nguyễn-duy-Thu được	15 phiếu.
Ông Hoàng-xuân-Ba được cử làm Phó-Thơ-Ký.	

6) Bầu-Cử Chánh-chưởng-Quy

Ông Bửu-Bác xin Đại-hội-đồng thôi chức Chánh-Chưởng-Quy vì ông mắc vào ở Qui-nhơn.

Số phiếu : 94

Ông Hoàng-Hữu-Khác được	73 phiếu,
Ông Phạm-quang-Thiện được	21 phiếu.
Ông Hoàng-hức-Khác được cử làm Chánh-Chưởng-Quy.	

7) Bầu-cử Phó-Chưởng-Quy.

Số phiếu : 94

Ông Lê-văn-Lộc được	69 phiếu
Ông Lê-văn-Lữ được	20 phiếu
Ông Nguyễn-duy-Thu được	5 phiếu
Ông Lê-văn-Lộc được cử làm Phó-Chưởng-Quy.	

8) Bầu-cử các chức Kiểm-Sát

Số phiếu : 94

a) Đệ nhất Kiểm-Sát

Ông Lê-dinh-Thám được	81 phiếu
Ông Lê-thanh-Cảnh được	13 phiếu
Ông Lê-dinh-Thám được cử là Đệ nhất Kiểm-Sát.	

b) Đệ nhị Kiểm-Sát

Ông Lê-quang-Thiết được	76 phiếu
Ông Lê-thanh-Cảnh được	15 phiếu
Ông Lê-mai-Đĩnh được	3 phiếu
Ông Lê-quang-Thiết được cử làm đệ nhị Kiểm-Sát.	

c) Đệ tam Kiểm-Sát

Ông Phạm-quang-Thiện được	72 phiếu
Ông Nguyễn-hữu-Hiệt được	22 phiếu
Ông Phạm-quang-Thiện được cử làm đệ tam Kiểm-Sát.	

d) Đệ tứ Kiểm-sát.

Ông Lê-dinh-Lạc được	76 phiếu
Ông Nguyễn-duy-Thu được	18 phiếu
Ông Lê-dinh-Lạc được cử làm đệ tứ Kiểm-Sát.	

e) Đệ ngũ Kiểm-Sát

Bà Cao-xuân-Xang được	64 phiếu
Ông Hoàng-kim-Đài được	20 phiếu
Ông Lê-văn-Lử được	10 phiếu
Bà Cao-xuân-Xang được cử làm đệ ngũ Kiểm-Sát.	

f) Đệ lục Kiểm-Sát

Bà Trương-Xương được	62 phiếu
Ông Nguyễn-bá-Duy được	28 phiếu
Ông Trần-Điễm được	4 phiếu
Bà Trương-Xương được cử làm đệ lục Kiểm-Sát.	

Ban Trị-sự mới đồng thanh cảm ơn Đại-hội-đồng thì cả
ại-hội đồng đồng vô tay mừng ban Trị-Sự mới.

IV. — *Bầu cử một ban chuyên về việc làm chùa Hội-quán*

Lúc ấy Đại-hội-đồng mới khởi sự bầu-cử một ban chuyên lo về việc làm chùa Hội-quán.

Cụ Lê-nhữ-Lâm, ông Lê-dinh-Tuấn và ông Lê-Quang-Tiến được cử vào ban ấy.

Cụ Lê-nhữ-Lâm thay mặt cho cả ban cảm-ơn lòng tín-nhiệm Đại-hội-đồng. Cụ nói: « Ban chúng tôi chỉ có thể sắp đặt chương-trình tấn-hành cho được nhiều người tưng-về về việc làm chùa. Vậy một điều cốt yếu là các hội-viên đều tự nhận như mình đã vào ban lập chùa và đồng một lòng giúp đỡ ban chúng tôi một cách thiết-thiết và mỹ-mẫn. Trong cái ngày hy-hữu này là cái ngày mà Hội chúng ta đã phát nguyện làm chùa, chúng ta không thể không nhớ đến ơn đức hộ-tri của đức Hoàng-Đế và Lương-Tổ-cung, chúng ta càng nhớ công đức của đức Đoàn-Huy Hoàng-Thái-Hậu đã ban cho chúng ta được làm chùa Hội-quán dưới quyền chiếu-cổ của ngài. Trên đã được Hoàng-Thái-Hậu chiếu cổ, ban chúng tôi làm việc gì càng hăng-hái, chúng tôi nguyện làm việc mãi mãi không hề thoái thác cho đến khi chùa Hội Lạc-thành, mong rằng các Hội-viên đều nghĩ chùa đó là chùa của mình thì ít lâu bên bờ sông Hương sẽ thấy dựng lên một ngôi chùa lớn nhất ở Trung-Kỳ, vậy anh em Hội-viên chúng ta chính ngày nay hãy thiết-hành công việc làm chùa, hãy thiết-hành Trang-nghiêm Phật-sát ».

Toàn-thể Hội-đồng đều vỗ tay tán-thành, sổ-lạc-quyên mới đưa ra mà chưa đầy 15 phút đồng hồ, sổ-lạc-quyên đã hơn 2.000 đồng bạc.

V. — *Bầu cử ban Chứng-Minh Đạo-Sư*

Các ngài trong ban Đạo-Sư giới-thiệu các vị Đạo-Sư năm ngoài, cả ban đều được Đại-Hội-đồng đồng thanh tái cử.

VI. — *Về ban Chứng-Minh Đại-Đạo-Sư*

Nhơn ngài Đại-Đạo-Sư GIÁC-TIÊN vừa qui-tây Đại-Hội-đồng định xin ban Chứng-Minh Đại-Đạo-Sư cử một vị Đại-Đạo-Sư mới thế chức.

VII. — Về Viên-Âm nguyệt-san

Ông Lê-dinh-Thám xin Đại-hội-đồng thôi chức Chủ-nhiệm và chủ-bút của Viên-Âm nguyệt-san để tiện bề chuyên lo việc làm chùa. Đại-hội-đồng ưng thuận và nhờ ban Trị-Sự lựa người thay thế, - ông Đại-hội-đồng xin ông Lê-dinh-Thám gặng giữ chức cho đến hết số 24.

VIII. — Về sự thay đổi các khoản trong điều-lệ

Sau khi đọc các lời thỉnh cầu của các chi-hội và của các hội-viên, Đại-hội-đồng bàn định xin sửa đổi điều-lệ như sau đây :

Điều thứ tư. — Hội gồm có :

A) 1. — Những bậc Tăng-Già Tùy-hỷ Hội-viên,

2. — Những bậc Tăng-già Thiệt-hành Hội-viên.

B)

A) 1. — *Tăng-già Tùy-hỷ Hội-viên.* — Tăng-già Tùy-hỷ Hội-viên là những bậc Tỷ-kheo và Sa-Di đã tình nguyện đeo đuổi theo mục-đích của Hội và giữ bổn-phận con nhà Phật đối với các Hội-viên. Tăng-già Tùy-hỷ Hội-viên chỉ trả tiền nhập-Hội 1\$00 và không đóng tiền nguyệt-liễm.

Tăng-già thiệt-hành Hội-viên. — Là những bậc tăng-già phát tâm như trên lại tình nguyện thiệt-hành theo luật Phật. Tăng-già thiệt-hành Hội-viên chỉ phải trả tiền nhập Hội 1\$00 và không phải đóng nguyệt-liễm. Muốn vào chân Tăng-già Thiệt-hành Hội-viên cần phải có giấy tình nguyện theo đúng giới luật của Phật.

Tăng-già thiệt-hành Hội-viên đã phạm các trọng giới thì phải biệ xuất ngay.

B)

Thiệt thành Hội-viên là các hội-viên đóng tiền nhập Hội 1\$00 và góp nguyệt-liễm 0\$30. Nếu trong một nhà có nhiều người vào chân Thiệt-hành Hội-viên thì chỉ một người phải góp nguyệt-liễm 0\$30, các người khác phải đóng tiền nhập hội một đồng 1\$00 và chỉ góp nguyệt-liễm 0\$20 mà thôi.

Tùy-hĩ hội-viên là các Hội-viên đóng tiền nhập Hội 1\$00 và góp trước vào Hội một quý (3 tháng) là 0\$30 hoặc góp vào hội một lần 10\$00.

Tăng-già *Tùy-hĩ hội-viên* ~~là~~ *Tùy-hĩ hội-viên* chỉ được bày tỏ ý-kiến ở Đại-Hội-đồng.

Các Hội-viên khác : Tăng-già thiết-hành Hội-viên, Sáng-lập Hội-viên, Ân-ngĩa Hội-viên tảo-trợ-Hội-viên, Vĩnh-Viễn Hội-viên, Tuiệt-Hành-Hội-viên thì được bàn luận bảo-cử ở Đại-Hội-đồng.

Tất cả các Hội-viên trong Hội đều không được tặng Viên âm nguyệt-san nhưng khi mua nguyệt-san đồng niên thì được bớt 25%. Hội sẽ tặng cho mỗi Hội-viên một cái bằng theo hạng mình và một cái huy-biêu có chữ (A : Niết-bàn) dấu riêng của Hội, Hội sẽ lấy lại bằng và Huy-biêu đó nếu Hội-viên ra Hội hoặc bị biệt xuất.

Mục 5 ter. — Đọc : Pháp-Sư

Các vị Pháp-sư do ban Chứng-Minh Đại-đạo-sư và ban Trị-sự lựa chọn vì đã thấu hiểu Phật-pháp.

Các vị Pháp-sư được lựa để giảng Kinh và thuyết-pháp, đề viết bài đăng trong Viên-âm nguyệt-san hoặc đề giảng dạy trong các trường của Hội.

Các vị Pháp-sư được tặng bằng và huy chương như Hội-viên song không được bàn luận bảo cử ở Đại-Hội-đồng, trừ khi có chân thiết-hành Hội-viên.

Mục 13. — Thêm :

Ban trị-sự có thể đặt các Tiêu-ban để lo những công việc của Hội, song phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về công việc của tiêu-ban.

Mục 15. — Đại-Hội-đồng. —

Đại-hội-đồng nhóm các ban Chứng-Minh Đại-đạo-sư và Đạo-sư, các tăng già hội-viên, các Sáng-lập Hội-viên, Ân-Nghĩa Hội-viên, Tảo-trợ Hội-viên Vĩnh-Viễn Hội-viên, biệt thành hội-viên *Tùy-hĩ Hội-viên* và các vị Pháp-

sư. Trước khi bầu cử các ngài Đại-đạo-sư hiện diện sẽ hiệp-đồng làm một bản đề kê tên các ngài có thể cử lên Chánh Hội-trưởng và các ngài có thể cử vào ban Đạo-sư để Đại-hội-đồng tiện bề bầu-cử.

Chỉ Tăng-già Thiết-hành hội-viên, Ân-Nghĩa Hội-viên, Tân-tợ Hội-viên, Vĩnh-viên Hội-viên, Thiết-hành hội-viên được bàn luận bầu cử ở Đại-Hội-đồng.

Mục 17. — Khi nào Hội-viên ở Huế hiện diện tới nhóm được 1 phần 3 thì Đại-Hội-đồng bàn luận mới đủ giá-trị.

Mục 35. — Hội có thể xin phép Chánh-Phủ lập các Chi-Hội ở các tỉnh nếu xét có thể lập được. Chi-Hội đều theo Điều-lệ và Qui-tắc của Hội gốc. Công việc Chi-hội do một ban Trị-sự đảm đương. Ban ấy có một ông Chi-Hội-trưởng, đại-diện của Hội Coánh, một ông Phó-Chi-Hội-trưởng, một ông Thư-ký, một ông Phó Thư-ký, một ông Chương-Quy, một ông Phó Chương-Quy và ba ông Kiểm-sát.

Việc bầu cử ông Chi-Hội-trưởng cần phải có Hội-gốc chuẩn y mới đủ giá-trị. Nếu hội gốc không chuẩn-y thì Đại-Hội-đồng phải bầu cử ông Chi-Hội-trưởng trong số 3 người do ban Chứng-Minh Đại-đạo-sư giới thiệu.

Chi-Hội có quyền tự chủ về tài-chánh song phải đóng góp về những khoản chi-tiêu có quan hệ đến toàn thể của Hội. Số đóng góp đó không được quá 1 phần 3 của số tiền thu nhận.

D) Những việc bàn định giữa ban Trị-sự và giữa Đại-hội-đồng các Chi-Hội phải có Hội-Coánh đoãn-y mới được thi hành.

QUI-TẮC

Mục 12. — Khi nào Ban-Trị-sự được tin có một Hội-viên về bậc A, B, C từ trần thì ban ấy sẽ tin cho các Hội-viên ở Huế biết ngày, giờ và chỗ an-táng và sẽ thay mặt Hội đến tang gia điều-tang và an ủi. Ban Trị-sự sẽ cử Đại-biêu đến đưa đám ; Hội-viên, nhất là tăng-già Hội-viên, đều nên đến dự lễ tống táng đến cang đồng thì cang tốt.

Ngày mồng 1 hay ngày Rằm sau, Hội sẽ làm lễ cầu-siêu tại Hội-quán. Tất cả các Hội-viên tăng-già phải đến dự lễ ấy cho đông đủ.

Như Hội-viên từ trần ở xa thì Hội sẽ tin cho các Hội-viên biết và sẽ làm lễ cầu siêu tại Hội-quán. Riêng về phần các bậc Chứng-Minh Đại-Đạo-sư và Đạo-sư, các vị Pháp-sư và các Hội-viên ở mục A và B, Hội-sẽ mời các ngài Chứng-Minh và các bậc Tăng-già Hội-viên đến hộ niệm và tụng táng. Hội sẽ đi điều một bức trướng trên đề 4 chữ (A-Di-Đà Phật). Phí-tồn đều do Hội chịu cả.

Khi một vị trong tứ thân phụ mẫu của Hội-viên từ trần, ban Trị-sự sẽ tin cho tất cả Hội-viên đề cầu nguyện cho vong linh siêu thoát.

Khi một Hội-viên của một Chi-Hội từ trần trong hạt của một Chi-Hội khác, ban Trị-sự của Chi-Hội sau phải lo việc điều tâng và hộ niệm. Phí tổn thì về phần bản Chi-Hội của Hội-viên từ trần chịu.

IX. — Về việc linh tinh

Đại-hội-đồng nhờ ban Trị-sự xét các điều thỉnh cầu khác và liệu định trả lời cho thỏa thiếp.

Bàn định xong Đại-hội-đồng giải-tán khi 18 giờ.



D CẢO KỲ SAU

Kiệt-sanh-tương tục - luận Nhơn-Minh-luận

Lễ Lạc - Thành chùa Hội - quán « Annam
Phật Học Chi-Hội ở Đà-nẵng

Ngày 12 và 13 tháng 11 năm Bính-tý
(25 & 26 Décembre 1936)

Chương-trình

Ngày 12 tháng năm Bính-tý

- Buổi trưa : 12 giờ. — Lễ Khai-quan điểm-nhấn tượng đức Thích
Ca Mâu-ni.
Buổi tối : 6 giờ. — Lễ An-vy Phật.
7 giờ. — Diễn-văn tiếng Pháp và tiếng Nam.
8 giờ. — Hát Đồng-ấu.
9 giờ. — Cư-sĩ thuyết-pháp.
10 giờ. — Đốt pháo bông.

Ngày 13 tháng 11 năm Bính-tý

- Buổi mai : 8 giờ. — Pháp-sư thuyết-pháp.
9 giờ đến 11 giờ. — Lễ Quí-Y và thuyết Tam-Quí
Ngũ-giới.
Buổi chiều : 3 giờ. — Cư-sĩ thuyết-pháp.
4 giờ. — Ni-cô thuyết-pháp.
Buổi tối : 7 giờ. — Hát Đồng Ấu.
8 giờ. — Chấn-lễ.

MỘT SỐ : 0320

MỘT NẾP : 2500

VIÊN - ÂM

(LA VOIX PARFAITE)

Nguyệt san của Hội Phật-Học — Huế

TÒA-SOẠN :

5, Rue Champeau — Huế

Chủ nhiệm : LÊ-ĐÌNH-THẨM, Médecin Indochinois
Boîte postale N° 73 — Huế

PHẬT-HỌC THIỀN ĐÀM

Ông Tế Nam Liên-Khốt đã tái-bản quyển
« Phật học Thiền đàm » quyển ấy, tòa-soạn
chúng tôi đã duyệt-y và nhận việc lưu thông.

Vậy ngài nào muốn thỉnh « Phật học Thiền
đàm » xin cứ gửi thơ cho Tòa soạn Viên Âm,
boîte postale n° 73 Huế.

Giá Phật-học Thiền-dàm { 1 quyển 0505
10 quyển 0540

Imp. Phuc-Long — Huế